

## ÔN TẬP MÔN TRIẾT HỌC

### Câu 1: Bản chất, biểu hiện, nguyên nhân và phương hướng khắc phục của bệnh giáo điều?

\* **Bản chất:** Bệnh giáo điều là khuynh hướng tư tưởng và hành động tuyệt đối hoá lý luận, coi thường, hạ thấp kinh nghiệm thực tiễn, hoặc áp dụng kinh nghiệm hay lý luận không tính tới điều kiện thực tiễn cụ thể. Có loại giáo điều ở nước ta:

- Giáo điều lý luận thể hiện ở chỗ vận dụng lý luận không căn cứ vào những điều kiện thực tiễn - cụ thể; học tập lý luận tách rời thực tiễn, xa rời cuộc sống, rơi vào bệnh sách vở; bệnh “tâm thường, trích cú”, bệnh câu chữ.

- Giáo điều kinh nghiệm thể hiện ở chỗ vận dụng kinh nghiệm của ngành khác, người khác, địa phương khác, nước khác vào mình nhưng không tính tới những điều kiện thực tiễn lịch sử - cụ thể của mình.

#### \* **Nguyên nhân của bệnh giáo điều:**

- Ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế tập trung bao cấp, bao cấp quá lâu;  
- Ảnh hưởng của tư tưởng tiểu tư sản, bệnh thành tích, hình thức...;  
- Vi phạm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Đây là nguyên nhân cơ bản, trực tiếp nhất của bệnh giáo điều ở nước ta.

#### \* **Cách phòng ngừa, khắc phục bệnh giáo điều:**

- Hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;  
- Khắc phục chủ nghĩa thành tích, chủ nghĩa hình thức ...  
- Tăng cường tổng kết thực tiễn;  
- Đặc biệt là phải quán triệt tốt trên thực tế sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, hiểu và vận dụng đúng đắn quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

#### **Một số câu hỏi thêm vấn đáp:**

##### 1. Tại sao cơ chế tập trung bao cấp lại là nguyên nhân của bệnh giáo điều?

Gợi ý: Do cơ chế bao cấp có đặc trưng là sự áp đặt từ trên xuống, phân phối không theo yêu cầu thực tiễn.

##### 2. Sự khác nhau giữa bệnh Kinh nghiệm và bệnh giáo điều kinh nghiệm?

Gợi ý: bệnh kinh nghiệm là tư tưởng, hành động tuyệt đối hóa kinh nghiệm cá biệt, cụ thể của mình biến thành những kinh nghiệm phổ biến hạ thấp coi thường lý luận, còn bệnh

giáo điều kinh nghiệm là vận dụng kinh nghiệm của ngành khác, người khác, địa phương khác, nước khác vào mình nhưng không tính tới những điều kiện thực tiễn lịch sử - cụ thể của mình.

## **Câu 2 : Quan điểm mác xít về quan hệ giữa kinh tế và chính trị?**

### **1. Khái niệm**

- Kinh tế là tổng hòa các mối quan hệ tương tác lẫn nhau của con người và xã hội liên quan trực tiếp đến việc sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng các loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người trong một xã hội với một nguồn lực có giới hạn.

Là toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành kết cấu kinh tế của một xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định (CSHT).

- Chính trị: chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, giữa các quốc gia có liên quan tới vấn đề giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước, là biểu hiện tập trung của kinh tế, là hoạt động chính trị thực tiễn của các giai cấp, các đảng phái, các nhà nước để hiện thực hoá lợi ích cơ bản của mình trong mối tương quan với các chủ thể chính trị khác.

### **2. Quan điểm macxit về quan hệ giữa kinh tế và chính trị**

#### **\* Kinh tế quyết định chính trị**

- Kinh tế là cơ sở của chính trị. Sự thay đổi của kinh tế tất yếu dẫn đến sự thay đổi về chính trị

- Trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào thống trị về kinh tế thì giai cấp đó thống trị về chính trị

- Địa vị kinh tế không còn thì địa vị chính trị của các giai cấp sẽ mất đi

- Mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế quyết định tính chất mâu thuẫn trong lĩnh vực tư tưởng

#### **\* Chính trị tác động trở lại kinh tế**

- Quyền lực chính trị là công cụ mạnh mẽ nhất để bảo vệ chế độ xã hội. Theo Lênin “Chính trị là thủ đoạn của kinh tế và chính trị không thể không chiếm hàng đầu so với kinh tế”

- Quan điểm trên khẳng định vai trò của chính trị không tồn tại tách rời, độc lập với kinh tế mà nó có tác động trở lại với kinh tế.

- Trong xã hội có giai cấp sự thống trị về chính trị của một giai cấp nhất định là điều kiện đảm bảo cho giai cấp đó thống trị về mặt kinh tế.

- Đấu tranh giai cấp thực chất là đấu tranh vì lợi ích kinh tế, được thực hiện thông qua đấu tranh chính trị. Theo Ăngghen “bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng là đều là đấu tranh chính trị, xét đến cùng đều xoay quanh vấn đề giải phóng về kinh tế”

- Sự tác động trở lại của chính trị đối với kinh tế được biểu hiện tập chung ở quyền lực nhà nước và sức mạnh vật chất tương ứng. Nhà nước có tác dụng quyết định năng lực hiện thực hoá những tất yếu kinh tế. Ăngghen nói “ bạo lực (tức là quyền lực nhà nước) cũng là một sức mạnh kinh tế”

- Xét đến cùng, các quy luật kinh tế, các quan hệ kinh tế tự mở đường đi cho mình nhưng nếu không có được một quyền lực chính trị định hướng thì các quá trình vận động tự thân đó chỉ là nhất thời, là tự phát và có thể dẫn đến sự hỗn loạn.

- Có những giai đoạn chính trị giữ vai trò quyết định (chiến tranh)

+ Chính trị tác động không phù hợp với quy luật kinh tế khách quan nó sẽ cản trở kinh tế

### **Câu 3: Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với lý luận?**

\* *Khái niệm*

- Thực tiễn?

+ Là phạm trù triết học chỉ toàn bộ hoạt động vật chất - cảm tính có tính chất lịch sử - xã hội của con người nhằm mục đích biến đổi tự nhiên và xã hội.

+ Những đặc trưng:

Thực tiễn là hoạt động vật chất chứ không phải hoạt động tinh thần. Hoạt động vật chất là hoạt động mà con người dùng lực lượng vật chất, công cụ vật chất tác động vào các đối tượng vật chất để làm biến đổi chúng.

Thực tiễn mang tính lịch sử - xã hội.

Thực tiễn có tính mục đích nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội.

+ Thực tiễn có ba hình thức cơ bản: Sản xuất vật chất; hoạt động cải tạo (biến đổi) chính trị - xã hội và hoạt động thực nghiệm khoa học - kỹ thuật. trong đó, sản xuất vật chất là có sớm nhất, quan trọng nhất, quyết định các hình thức kia. Hai hình thức kia có ảnh hưởng quan trọng tới sản xuất vật chất.

- Lý luận?

+ Lý luận là một hệ thống những tri thức được khái quát từ kinh nghiệm thực tiễn phản ánh những mối liên hệ bản chất, tất nhiên, mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan và được biểu đạt bằng hệ thống các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật,...

+ Cơ sở của lý luận là thực tiễn.

+ Lý luận có tính khái quát cao, có thể phản ánh bản chất sự vật, hiện tượng.

+ Lý luận có tính hệ thống.

**\* Vai trò, quan hệ giữa lý luận và thực tiễn**

- Thực tiễn quy định lý luận:

+ Thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức, của lý luận, là tiêu chuẩn kiểm tra chân lý.

+ Thực tiễn quy định nội dung, nhiệm vụ, khuynh hướng phát triển của lý luận.

+ Thực tiễn thay đổi thì lý luận cũng phải thay đổi cho phù hợp.

- Lý luận tác động lại thực tiễn:

+ Lý luận đóng vai trò chỉ đạo, hướng dẫn cho hoạt động thực tiễn.

+ Lý luận góp phần giáo dục, thuyết phục, động viên tập hợp quần chúng tạo thành phong trào hoạt động thực tiễn của đông đảo quần chúng, để cải tạo thế giới.

+ Lý luận đúng đắn, khoa học, thâm nhập được vào quần chúng và được vận dụng đúng đắn có thể thúc đẩy thực tiễn phát triển. Ngược lại sẽ kìm hãm thực tiễn.

**\* Ý nghĩa**

- Phải coi trọng cả lý luận và thực tiễn.

- Không được tuyệt đối hóa thực tiễn, coi thường lý luận để rơi vào bệnh kinh nghiệm. Đồng thời, không được tuyệt đối hóa lý luận coi thường thực tiễn rơi vào bệnh giáo điều.

- Phải tăng cường thực tiễn để bổ sung, hoàn thiện phát triển lý luận.

**Câu 4: Quan điểm của Đảng về đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta?**

- **Đổi mới kinh tế**, theo quan điểm của Đảng, là việc chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung, bao cấp chủ yếu dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và dưới sự

lãnh đạo của Đảng theo định hướng xã hội chủ nghĩa (hiện nay gọi là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa).

Đó là quá trình chuyển từ nền kinh tế cơ bản là khép kín sang nền kinh tế mở đối với khu vực và thế giới, kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức.

- **Đổi mới chính trị**, theo quan niệm của Đảng, là đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội, về mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; là đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, nhất là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức và hoạt động của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; giữ vững ổn định chính trị; xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Đổi mới chính trị còn là đổi mới tư duy nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo vào phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình đổi mới, Đảng xác định cần giữ vững ổn định chính trị, điều kiện cho việc đổi mới toàn diện đất nước. Ổn định chính trị là điều kiện cho việc đổi mới và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình đổi mới; tuy nhiên, ổn định chính trị không có nghĩa là bảo thủ, trì trệ.

### **Câu 5: Quan niệm của triết học Mác – Lênin về bản chất con người?**

**Con người là sự thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội, là một thực thể sinh vật - xã hội:**

- Với quan điểm duy vật triệt để và phương pháp biện chứng, Mác và Ăngghen đã tạo ra một bước ngoặt trong việc nhận thức bản chất con người. Các ông xuất phát từ con người hiện thực, con người thực tiễn và thông qua hoạt động vật chất cải tạo hiện thực của con người để xem xét bản chất con người. Đó là một động vật có tính xã hội với tất cả những nội dung văn hoá - lịch sử của nó.

- Như vậy, các ông không xem xét bản chất con người một cách cô lập và phiến diện mà đặt nó trong mối quan hệ với tự nhiên, xã hội và con người. Con người sống dựa vào tự nhiên như hết thảy mọi sinh vật khác. Nhưng con người sở dĩ trở thành con người chính là ở

chỗ nó không chỉ sống dựa vào tự nhiên, Ăngghen là người đầu tiên đã chỉ ra được bước chuyển biến từ vượn thành người là nhờ có lao động. Quá trình con người cải tạo tự nhiên cũng là quá trình con người trở thành con người. Chính con người, cùng với những công cụ do họ chế tạo ra, đã quyết định sự thay đổi bộ mặt xã hội.

- Là sản phẩm của tự nhiên và xã hội nên quá trình hình thành và phát triển con người luôn bị quyết định bởi ba hệ thống quy luật khác nhau nhưng thống nhất với nhau: hệ thống các quy luật tự nhiên (quy luật về sự phù hợp cơ thể với môi trường, quy luật về sự trao đổi chất, về di truyền, biến dị, tiến hóa ... quy định phương diện sinh học của con người), hệ thống các quy luật tâm lý, ý thức hình thành và vận động trên nền tảng ý thức của con người, hệ thống các quy luật xã hội quy định quan hệ xã hội giữa người với người.

Trong khi phê phán những quan điểm của Phoiobác, xuất phát từ những cá thể cô lập C.Mác đã đưa ra luận điểm nổi tiếng về bản chất con người: "Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. **Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội**". Luận điểm trên thể hiện những điểm cơ bản sau:

- Không có con người trừu tượng, thoát ly mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử xã hội. Con người luôn luôn cụ thể, xác định, sống trong một điều kiện lịch sử cụ thể nhất định, một thời đại nhất định. Trong điều kiện lịch sử đó, bằng mọi hoạt động thực tiễn của mình, con người tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển cả thể lực và tư duy trí tuệ. Chỉ trong toàn bộ các mối quan hệ xã hội đó (như quan hệ giai cấp, dân tộc, thời đại; quan hệ chính trị, kinh tế; quan hệ cá nhân, gia đình, xã hội...) con người mới bộc lộ toàn bộ bản chất xã hội của mình.

- Khi nói bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội, cũng có nghĩa là tất cả các quan hệ xã hội đều góp phần hình thành bản chất con người, nhưng có ý nghĩa quyết định nhất là quan hệ sản xuất. Bởi vì, các quan hệ khác đều trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự quy định của quan hệ này. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một kiểu quan hệ sản xuất nhất định giữ vai trò chi phối, và chính kiểu quan hệ sản xuất đó là cái xét đến cùng, tạo nên bản chất của con người trong giai đoạn lịch sử đó.

- Các quan hệ xã hội quy định bản chất con người bao gồm cả quan hệ xã hội hiện tại và quan hệ xã hội truyền thống, bởi trong lịch sử của mình, con người bắt buộc phải kế thừa di

sản của những thế hệ trước đó. Khi xem xét bản chất con người, không nên tách rời hiện tại và quá khứ.

- Bản chất và thể hiện bản chất của con người có khác biệt. Bản chất một con người cụ thể là tổng hòa các quan hệ xã hội "vốn có" của con người đó và quy định những đặc điểm cơ bản chi phối mọi hành vi của con người đó. Còn tất cả những hành vi của người đó bộc lộ ra bên ngoài là những hiện tượng biểu hiện bản chất của họ.

- Con người là một thực thể sinh vật - xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn và hoạt động xã hội, con người làm biến đổi đời sống xã hội, đồng thời cũng biến đổi chính bản thân mình. Điều đó cũng có nghĩa là thông qua hoạt động thực tiễn con người tiếp nhận bản chất xã hội của mình.

*Như vậy, bản chất con người không phải là trừu tượng mà là hiện thực, không phải là tự nhiên mà là lịch sử, không phải là cái vốn có trong mỗi cá thể riêng lẻ mà là tổng hòa của toàn bộ quan hệ xã hội. Đây là phát hiện có giá trị to lớn của Mác về bản chất con người.*

## **Câu 6: Vận dụng quan niệm của triết học Mác – Lênin về bản chất con người trong xây dựng con người VN hiện nay?**

### **1. Quan niệm của Triết học Mác – Lênin về bản chất con người**

#### **- Các quan niệm trước chủ nghĩa Mác – Lenin:**

+ Các tôn giáo nói chung đều cho con người là sản phẩm của Thần thánh của Thượng đế

+ Chủ nghĩa Duy tâm giải thích bản chất con người ở ngoài con người hoặc từ một lực lượng thần bí nào đó

+ Các nhà duy vật siêu hình lại chỉ thấy được bản chất sinh học, bản chất loài của con người và tuyệt đối hóa bản chất này.

- **Quan niệm của triết học Mác – Lenin** coi **“bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”**.

+ Khi nói tới bản chất con người, trong tính hiện thực của nó là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, cũng có nghĩa là các quan hệ xã hội đều góp phần hình thành bản chất con người, nhưng có ý nghĩa quyết định là quan hệ sản xuất. Bởi lẽ, các quan hệ xã hội khác đều trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự quy định của quan hệ sản xuất. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một

kiến quan hệ sản xuất nhất định giữ vai trò chi phối và chính kiến quan hệ sản xuất đó là cái, xét đến cùng, tạo nên bản chất con người trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể đó.

+ Thông qua hoạt động thực tiễn, con người làm biến đổi thế giới tự nhiên cũng như đời sống xã hội, đồng thời cũng làm biến đổi chính bản thân mình. Điều đó có nghĩa là con người tiếp nhận bản chất xã hội của mình thông qua hoạt động thực tiễn xã hội.

+ Khi khẳng định bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, triết học Mác – Lenin không hạ thấp mặt sinh học cũng như không tuyệt đối hóa mặt xã hội trong con người, mà chỉ cho rằng con người là thực thể thống nhất của cái sinh học và cái xã hội.

Mặt sinh học của con người có những nét chung với động vật cao cấp nhưng đã được cải tạo nhờ mặt xã hội. Vì vậy, con người là một sinh vật hoàn thiện nhất.

Mặt xã hội của con người thể hiện ở chỗ, con người chỉ tồn tại với tư cách người khi sống trong xã hội có quan hệ với nhau, có hoạt động xã hội cho mình và đồng loại. Con người thực hiện mặt này thông qua hoạt động lao động sáng tạo trong mối quan hệ xã hội và cả trong mối quan hệ sinh học.

Quan niệm triết học Mác – Lenin về bản chất con người đã khắc phục được hai thái cực sai lầm trong vấn đề con người.: Hoặc là chỉ thấy mặt sinh học, không thấy vai trò của mặt xã hội đối với bản chất con người; hoặc là chỉ thấy mặt xã hội, không thấy được tiền đề tự nhiên, sinh học trong bản chất con người.

## **2. Vận dụng trong xây dựng con người Việt Nam**

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc xây dựng con người Việt Nam hiện đại là yêu cầu cấp bách. Khẳng định điều đó là do:

Thứ nhất, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình đổi mới.

Thứ hai, con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ ba, phát huy nguồn lực con người là vấn đề chiến lược trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Để xây dựng con người Việt Nam mới trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện đồng bộ các vấn đề cơ bản sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Hai là, nâng cao hiệu quả giáo dục, phát triển nguồn nhân lực



Ba là, ổn định chính trị và mở rộng phát huy dân chủ

Bốn là, mở rộng giao lưu, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Năm là, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, làm trong sạch bộ máy đảng và nhà nước

### **Câu 7: Quan điểm Mác xít về nguồn gốc và bản chất của nhà nước?**

#### **\* Nguồn gốc của nhà nước**

- Lịch sử xã hội loài người đã có thời kỳ chưa có nhà nước. Đó là thời kỳ xã hội công sản nguyên thủy. Nhà nước ra đời khi xã hội đã phân chia thành giai cấp.

- Nguồn gốc sâu xa của nhà nước chính là do sự phát triển của lực lượng sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Lực lượng sản xuất phát triển đã làm cho chế độ sở hữu tư nhân ra đời, các giai cấp bóc lột và bị bóc lột xuất hiện. Cuộc đấu tranh giữa chủ nô và nô lệ - hai giai cấp đầu tiên trong lịch sử - dẫn tới nguy cơ hủy diệt luôn cả xã hội. Để điều này không xảy ra, một cơ quan quyền lực đặc biệt đã ra đời. Đó là nhà nước.

- Nguồn gốc trực tiếp xuất hiện nhà nước chính là mâu thuẫn giai cấp gay gắt không thể điều hòa được.

Như vậy, sự ra đời của nhà nước là một tất yếu khách quan để làm mâu thuẫn giai cấp diễn ra trong vòng “trật tự” có thể duy trì chế độ kinh tế - xã hội mà giai cấp thống trị mới.

#### **\* Bản chất của nhà nước**

- Bản chất của nhà nước là nền chuyên chế của một giai cấp này đối với các giai cấp khác và đối với toàn xã hội. Nói khác đi là, nhà nước là tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành phù hợp với lợi ích của mình và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.

- Trong xã hội có giai cấp đối kháng, giai cấp nào thống trị về kinh tế sẽ nắm chính quyền nhà nước trong tay vì chỉ giai cấp ấy mới có khả năng vật chất, để tổ chức, duy trì bộ máy nhà nước. Giai cấp bị thống trị, xét về bản chất ko có nhà nước.

- Xét về bản chất, nhà nước chỉ là công cụ chuyên chính của một giai cấp. Không có nhà nước đứng trên các giai cấp, đứng ngoài các giai cấp. Dù được che đậy như thê snaof đi chăng nữa thì trong xã hội có các giai cấp đối kháng, nhà nước cũng chỉ là công cụ bảo

vệ lợi ích của giai cấp thống trị về kinh tế; là bộ máy trấn áp của giai cấp thống trị về kinh tế đối với các giai cấp khác và đối với toàn xã hội.

### **Câu 8: Tính tất yếu và bản chất của Nhà nước vô sản?**

- Nhà nước vô sản là nhà nước kiểu mới. Bản chất của nó là tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, chính quyền nhà nước là của nhân dân. Không bảo đảm sự thống trị chính trị của giai cấp vô sản thì nhân dân không có quyền lực nhà nước thực sự. Ngược lại, có đảm bảo quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân thì giai cấp vô sản mới thực hiện được mục đích của mình.

- Từ bản chất trên, nhà nước vô sản có những đặc điểm sau:

+ Nhà nước vô sản là nhà nước của dân, do dân và vì dân; là tổ chức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo.

+ Nhà nước vô sản là nhà nước dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là chủ yếu và liên minh giai cấp giữa công nhân – nông dân – trí thức.

+ Nhà nước vô sản vừa là bộ máy chính trị - hành chính, vừa là tổ chức quản lý kinh tế - văn hóa xã hội của nhân dân lao động, là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

+ Nhà nước vô sản là nhà nước có sự thống nhất giữa tính giai cấp và tính nhân dân.

- Với những đặc điểm trên cho thấy, nhà nước vô sản là một nhà nước đặc biệt, “nhà nước không còn nguyên nghĩa”, nhà nước “nửa nhà nước”. Nhà nước vô sản sẽ mất đi khi hội đủ những điều kiện về kinh tế và xã hội. Sự mất đi của nhà nước vô sản diễn ra bằng con đường “tự tiêu vong”. Chắc chắn đây là một quá trình rất lâu dài.

### **Câu 9: Quan điểm của Đảng về đổi mới Nhà nước theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở VN?**

### **Câu 10: Đồng chí hãy phân tích những đặc trưng cơ bản của giai cấp theo định nghĩa giai cấp của V.I.Lênin?**

- Trong bài báo *Sáng kiến vĩ đại*, Lênin đã đưa ra định nghĩa về giai cấp là “Tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách hưởng thụ và về phần của

cải ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định”.

**- Đặc trưng của giai cấp:**

+ Nói tới giai cấp là nói tới “những tập đoàn người đông đảo” trong xã hội. Tính “đông đảo” đó có thể ở tầm phạm vi quốc tế như khi nói về giai cấp tư sản và giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Đây cũng là một chuẩn mực quan trọng để xác định trong một xã hội nhất định có những giai cấp nào.

+ Giai cấp là những tập đoàn người được phân biệt với nhau bởi địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định. Sự phân định giai cấp dựa trên cơ sở phân định địa vị trong hệ thống kinh tế xã hội nhưng được phân tích cơ bản trên ba phương diện có quan hệ thống nhất với nhau là: Sở hữu về tư liệu sản xuất, tổ chức lao động xã hội, phương thức và quy mô thu nhập của cải.

Trong đó phương diện quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất là quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định còn trên phương diện phân phối của cải xã hội là biểu hiện rõ nét và dễ thấy nhất.

+ Thực chất của sự phân định giai cấp là xác định một quan hệ chiếm đoạt của tập đoàn người này đối với tập đoàn người khác. Điều đó là do nguyên nhân phân biệt địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế - xã hội nhất định. Nói cách khác là sự hợp pháp hóa địa vị và sự chiếm đoạt lao động giữa tập đoàn này với tập đoàn khác bằng một thể chế nhà nước. Và đó thực chất là đối kháng giai cấp.

**Câu 11: Đồng chí hãy trình bày mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc?**

**\* Khái niệm dân tộc:**

- Theo nghĩa rộng: Dân tộc - quốc gia  
- Theo nghĩa hẹp: Dân tộc – tộc người ổn định, bền vững, là sự kết tinh độc đáo của các cộng đồng ngôn ngữ, lãnh thổ, kinh tế, văn hóa, tâm lý, tính cách.

- Ở Châu Âu, dân tộc hình thành gắn liền với sự hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ở VN, sự hình thành dân tộc gắn liền với việc làm thủy lợi trồng lúa nước và chống ngoại xâm.

**\* Quan hệ giai cấp – dân tộc:**

**- Vai trò của giai cấp đối với dân tộc:**

+ Quan hệ giai cấp xét đến cùng quy định sự hình thành dân tộc, xu hướng, bản chất xã hội của dân tộc, tính chất quan hệ giữa các dân tộc.

+ Áp bức giai cấp là cơ sở, nguyên nhân của áp bức dân tộc.

+ Nhân tố giai cấp là nhân tố cơ bản trong phong trào giải phóng dân tộc.

**- Vai trò của dân tộc đối với giai cấp**

+ Vấn đề dân tộc là vấn đề hàng đầu của cách mạng vô sản.

+ Áp bức dân tộc tác động mạnh mẽ tới áp bức giai cấp, nuôi dưỡng áp bức giai cấp, làm sâu sắc thêm áp bức giai cấp.

+ Đấu tranh dân tộc tác động mạnh mẽ tới đấu tranh giai cấp.

+ Dân tộc là cơ sở của giai cấp, nuôi dưỡng đấu tranh giai cấp, tạo cơ sở cho sức mạnh giai cấp.

**Câu 12: Trình bày quan điểm Mácxit về nguồn gốc ra đời và điều kiện tồn tại của giai cấp trong lịch sử?**

**1. Giai cấp là gì ? (Học thuộc định nghĩa của Lênin)**

**2. Phân tích định nghĩa giai cấp(3 luận điểm):**

- Thứ nhất, giai cấp là một hệ thống tập đoàn người trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định;

- Thứ hai, giai cấp là những tập đoàn người được phân biệt với nhau bởi địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định;

- Thứ ba, thực chất của sự phân chia giai cấp là xác định một quan hệ chiếm đoạt của tập đoàn người này đối với tập đoàn khác.

**3. Đặc trưng của giai cấp(4 đặc trưng) :**

- Một là, giai cấp là những tập đoàn người có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định.

- Hai là, các giai cấp có mối quan hệ khác nhau về tư liệu sản xuất.

- Ba là, các giai cấp khác nhau có vai trò khác nhau trong tổ chức lao động xã hội.

- Bốn là, các giai cấp khác nhau có sự khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập của cải xã hội.

**4. Nguồn gốc ra đời và điều kiện tồn tại của giai cấp (3 ý):**

- Nguồn gốc sâu xa của giai cấp;

- Nguồn gốc trực tiếp của giai cấp;

- Sự hình thành và phát triển của giai cấp trong lịch sử có thể diễn ra với những hình thức khác nhau, mức độ khác nhau và ở các cộng đồng xã hội khác nhau.

**5. Câu hỏi phụ:** 1. Phân tích định nghĩa giai cấp của Lênin;?2. Ý nghĩa của định nghĩa đối với việc xem xét vấn đề giai cấp ở nước ta hiện nay ; ?3. Phân biệt giai cấp với đẳng cấp?; ?4. Phân biệt giai cấp với tầng lớp?; ?5. Vì sao nói tồn tại giai cấp là một tất yếu lịch sử?; ?6. Ý nghĩa phương pháp luận từ định nghĩa giai cấp của Lênin?.

### **Trả lời chi tiết:**

#### ***1. Giai cấp là gì?***

Theo V.I. Lênin: “Giai cấp là tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách hưởng thụ và về phần của cải ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định.”

#### ***2. Phân tích định nghĩa giai cấp***

*Thứ nhất, nói tới giai cấp là nói tới “những tập đoàn người đông đảo” trong xã hội.*

Tính “đông đảo” đó có thể ở tầm phạm vi quốc tế như khi nói về giai cấp tư sản và giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Đây cũng là một chuẩn mực quan trọng để xác định trong một xã hội nhất định có những giai cấp nào.

*Thứ hai, giai cấp là những tập đoàn người được phân biệt với nhau bởi địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định.*

Sự phân định giai cấp dựa trên cơ sở phân định địa vị trong hệ thống kinh tế xã hội nhưng được phân tích cơ bản trên ba phương diện có quan hệ thống nhất với nhau là: Sở hữu về tư liệu sản xuất, tổ chức lao động xã hội, phương thức và quy mô thu nhập của cải. Trong đó phương diện quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất là quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định còn trên phương diện phân phối của cải xã hội là biểu hiện rõ nét và dễ thấy nhất.

*Thứ ba, thực chất của sự phân định giai cấp là xác định một quan hệ chiếm đoạt của tập đoàn người này đối với tập đoàn khác.*

Điều đó là do nguyên nhân phân biệt địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế - xã hội nhất định. Nói cách khác là sự hợp pháp hóa địa vị và sự chiếm đoạt lao động giữa tập đoàn này với tập đoàn khác bằng một thể chế nhà nước. Và đó là thực chất đối kháng giai cấp.

### **3. Đặc trưng của giai cấp**

Từ định nghĩa giai cấp của V.I. Lênin, có thể đưa ra 4 đặc trưng của giai cấp như sau:

*- Một là, giai cấp là những tập đoàn người có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định.*

Điều này có nghĩa là sự phân chia giai cấp gắn liền với hệ thống sản xuất xã hội nhất định. Trong xã hội, có những hệ thống sản xuất chứa đựng trong lòng nó những yếu tố làm nảy sinh giai cấp như hệ thống sản xuất xã hội nô lệ, hệ thống sản xuất xã hội phong kiến, hệ thống sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ngược lại, có những hệ thống sản xuất xã hội không chứa đựng trong lòng nó những yếu tố phân chia giai cấp như hệ thống sản xuất xã hội cộng sản nguyên thủy, hệ thống sản xuất của xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu gọi là chủ nghĩa xã hội.

Hệ thống sản xuất xã hội quy định địa vị của các giai cấp, có giai cấp giữ địa vị thống trị, có giai cấp giữ địa vị bị thống trị. Trong các xã hội như nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa thì có giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị. Ngược lại, trong các hệ thống sản xuất xã hội như cộng sản nguyên thủy, cộng sản chủ nghĩa thì mọi người bình đẳng, không có giai cấp nên không có cái gọi là giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị. Những giai cấp có địa vị thống trị hay không có địa vị thống trị nền sản xuất xã hội là do các giai cấp chiếm đoạt được, hay không chiếm đoạt được những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Nghĩa là chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất quy định địa vị của các giai cấp trong nền sản xuất xã hội.

*- Hai là, các giai cấp có mối quan hệ khác nhau về tư liệu sản xuất.*

Đặc trưng này nói lên rằng trong xã hội, nếu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội chỉ thuộc quyền sở hữu của một giai cấp nào đó, còn các giai cấp khác không có quyền sở hữu đó thì quan hệ giữa các giai cấp là hoàn toàn bất bình đẳng. Nghĩa là giai cấp nào chiếm đoạt được những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội thì giai cấp ấy sẽ giữ quyền thống trị nền sản xuất xã hội, giữ quyền tổ chức quản lý sản xuất và cùng giữ quyền phân phối sản phẩm do xã hội tạo ra. Đây chính là vấn đề đã được nêu ra là: giai cấp xuất hiện do nguyên nhân kinh tế

mà trực tiếp là do chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất quy định. Đây là đặc trưng không chỉ vạch ra nguồn gốc ra đời của giai cấp mà còn là đặc trưng chi phối các đặc trưng khác.

*- Ba là, các giai cấp khác nhau có vai trò khác nhau trong tổ chức lao động xã hội.*

Đặc trưng này cũng do đặc trưng thứ hai nói trên quy định. Nghĩa là trong xã hội, giai cấp nào chiếm đoạt những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội thì giai cấp ấy sẽ giữ lấy quyền tổ chức, quản lý nền sản xuất xã hội, còn những giai cấp không có tư liệu sản xuất thì chỉ là những giai cấp làm thuê bán sức lao động mà thôi.

*- Bốn là, các giai cấp khác nhau có sự khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập của cải xã hội.*

Đặc trưng này cũng do đặc trưng thứ hai quy định. Nghĩa là trong xã hội, giai cấp nào chiếm đoạt những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội thì giai cấp ấy không những giữ địa vị thống trị hệ thống sản xuất xã hội, giữ lấy quyền tổ chức, quản lý sản xuất, mà còn giữ quyền phân phối sản phẩm.

Bốn đặc trưng cơ bản nêu trên có quan hệ biện chứng với nhau, trong đó đặc trưng thứ hai là cơ bản, quyết định nhất. Thiếu một trong bốn đặc trưng, nhất là đặc trưng hai thì không thể giải thích đúng về giai cấp.

#### **4. Nguồn gốc ra đời và điều kiện tồn tại của giai cấp trong lịch sử.**

*Thứ nhất, nguồn gốc trực tiếp của sự phân hóa giai cấp trong xã hội chính là do sự ra đời và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, đặc biệt là đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, bởi vì chỉ có trong điều kiện đó mới có khả năng khách quan làm phát sinh và tồn tại sự phân biệt địa vị của các tập đoàn người trong quá trình sản xuất xã hội. Do đó, dẫn tới khả năng tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động thặng dư của tập đoàn khác.*

*Thứ hai, giai cấp chỉ xuất hiện trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất đến một trình độ nhất định và sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất, điều này đã được minh chứng thông qua thực tiễn các hình thái KT-XH trong lịch sử phát triển của loài người, cụ thể:*

*- Trong xã hội nguyên thủy, LLSX chưa phát triển, năng suất lao động còn rất thấp, của cải làm ra chưa đủ để nuôi sống người nguyên thủy, chưa có tích lũy của cải xã hội, để tồn tại thì con người phải nương tựa vào nhau, do vậy giai cấp chưa xuất hiện.*

- Sản xuất ngày càng phát triển với sự phát triển của LLSX. Công cụ sản xuất bằng kim loại ra đời thay thế công cụ bằng đá, công cụ thô sơ, năng suất lao động nhờ đó tăng lên đáng kể, phân công lao động xã hội từng bước hình thành, của cải xã hội dư thừa xuất hiện, QHSX ăn chung, làm chung không còn phù hợp, những người có chức quyền trong các bộ lạc, thị tộc đã chiếm đoạt của cải dư thừa làm của riêng, chế độ tư hữu ra đời, bất bình đẳng về kinh tế nảy sinh. Từ binh bắt được trong các cuộc chiến tranh giành của cải, đất đai,... không bị giết như trước, mà được sử dụng làm nô lệ để phục vụ những người giàu có trong xã hội. Từ đó hình thành các giai cấp đối kháng đầu tiên trong lịch sử là chủ nô và nô lệ. Như vậy, chế độ tư hữu này là cơ sở trực tiếp dẫn tới sự phân hóa giai cấp trong xã hội.

- Sự xuất hiện của chế độ tư hữu cũng là một yếu tố khách quan và có vai trò nhất định trong lịch sử, đã tạo ra bước ngoặt mới, đưa nền sản xuất xã hội lên một giai đoạn cao hơn. Sự tồn tại các giai cấp đối kháng gắn với chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản phát triển cao lại tạo tiền đề khiến cho sự thủ tiêu chế độ tư hữu, cái cơ sở kinh tế của sự đối kháng giai cấp trở thành xu thế khách quan trong sự phát triển xã hội. Đó là logic khách quan của tiến trình phát triển lịch sử.

Như vậy, *nguồn gốc sâu xa của sự ra đời các giai cấp trong xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất*, còn nguồn gốc trực tiếp của nó là chế độ tư hữu.

*Thứ ba, sự hình thành và phát triển giai cấp trong lịch sử có thể diễn ra với những hình thức, mức độ khác nhau ở các cộng đồng xã hội khác nhau.* Điều đó tùy thuộc sự tác động cụ thể của các nhân tố khách quan và chủ quan đến tiến trình vận động, phát triển của mỗi cộng đồng người. Tuy nhiên, có thể khái quát quá trình hình thành, phát triển giai cấp ở các cộng đồng người trong lịch sử ở hai hình thức cơ bản. Đó là: sự hình thành, phát triển giai cấp diễn ra chủ yếu dưới sự tác động của nhân tố bạo lực về sự hình thành, phát triển giai cấp diễn ra chủ yếu với sự tác động của quy luật kinh tế phân hóa những người sản xuất hàng hóa trong nội bộ cộng đồng xã hội. Ngoài ra, trong thực tế lịch sử còn diễn ra quá trình tác động đồng thời của cả hai nhân tố đó.

### **Câu 13: Hãy nêu những biểu hiện đặc thù của quan hệ giai cấp – dân tộc ở Việt Nam?**

1. Định nghĩa giai cấp của Lênin
2. Đặc trưng của giai cấp
3. Quan hệ giữa giai cấp và dân tộc
4. Nguồn gốc ra đời của và điều kiện tồn tại của giai cấp trong lịch sử



## 5. Biểu hiện đặc thù của quan hệ giai cấp – dân tộc ở Việt Nam

*Quan hệ giai cấp – dân tộc ở Việt Nam được biểu hiện qua các đặc thù sau:*

5.1. Vấn đề giai cấp và dân tộc không tách rời nhau, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh mà vấn đề nào nổi trội hơn

5.2. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản

Khi nói cách mạng vô sản là nói đến con đường cứu nước và giải phóng dân tộc, ở đây không phải là sự sắp đặt chủ quan tùy ý mà là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa khách quan và chủ quan. Nó là sự khẳng định hướng đi mới, nguyên tắc, chiến lược mới, mục tiêu và giải phóng hoàn toàn mới, khác hẳn về chất so với các lãnh tụ của phong trào yêu nước trước đó ở VN.

Khi nghiên cứu các cuộc cách mạng dân chủ tư sản Mỹ (1776), Pháp (1789), Nguyễn Ái Quốc nhận thấy các cuộc cách mạng này tuy nêu khẩu hiệu “tự do”, “bình đẳng”, nhưng không đưa lại tự do, bình đẳng thực sự cho quần chúng lao động. Tuy khâm phục nhưng Nguyễn Ái Quốc cho rằng đó là cách mạng chưa đến nơi, Chính vì vậy mà Nguyễn Ái Quốc đã tìm đến với cách mạng tháng Mười Nga, đến với Lenin, như một tất yếu lịch sử. Đặc biệt sau khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lenin, Người thấy rõ hơn con đường đúng đắn mà cách mạng Việt Nam sẽ trải qua. Người khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”, rằng “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”

5.3. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là vấn đề xuyên suốt toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam

Khi nói độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, đây không chỉ là nguyên tắc mà còn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam... Đó là con đường phát triển xã hội có tính chất rút ngắn biện chứng mang tính lịch sử - cụ thể và hợp quy luật – hiện thân sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh – hiện thực tất yếu – sáng tạo của CN Mác – Lê nin trong thực tiễn Việt Nam. Đó cũng là con đường nhỏ trong con đường lớn toàn nhân loại tất yếu tiến lên CNXH, một bộ phận, một biểu hiện cụ thể của xu thế phát triển tất yếu của thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh điều đó. Ngay từ khi mới thành lập, trong chính cương văn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã khẳng định: “Chủ

trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới XH cộng sản”. Như vậy lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam, với Hồ Chí Minh sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng XHCN.

Cuộc cách mạng này kết hợp trong bản thân nó tiến trình của hai sự nghiệp giải phóng: giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ thực dân và giải phóng giai cấp khỏi ách áp bức, bóc lột. Vấn đề dân tộc được giải quyết trên lập trường của giai cấp công nhân – điều đó phù hợp với xu thế thời đại và lợi ích của các giai cấp và lực lượng tiến bộ trong dân tộc. Ở đây cách mạng XHCN là sự kế tiếp ngay sau khi cách mạng dân chủ nhân dân thắng lợi và giữa hai cuộc cách mạng này không có bức tường nào ngăn cách. Và chỉ có hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện tiến lên CNXH và chỉ có cách mạng XHCN mới giữ vững được thành quả của cách mạng giải phóng dân tộc, mới mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân, mới có độc lập dân tộc thực sự.

#### 5.4. Cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp với cách mạng ở chính quốc

Phải có sự liên minh giữa vô sản ở chính quốc với vô sản và nhân dân các nước thuộc địa thì mới thắng lợi.

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhận định rằng, cách mạng vô sản ở các nước tư bản và cách mạng giải phóng dân tộc phải như “đôi cánh của một con chim”. Qua nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Người đã đi đến kết luận rất cơ bản: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”

Cách mạng thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc không phải là nhân tố bị động, phụ thuộc một chiều vào cách mạng vô sản ở các nước tư bản, trái lại vẫn có thể chủ động tiến lên giành thắng lợi, thậm chí thắng lợi trước, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho cách mạng vô sản ở các nước tư bản

#### 5.5. Sau khi giải phóng dân tộc phải quá độ lên CNXH

Vấn đề dân tộc chỉ có thể được giải phóng từng bước và triệt để cùng với thắng lợi của CM XHCN. CNXH có sức mạnh xóa bỏ áp bức giai cấp, đồng thời xóa bỏ áp bức dân tộc, bảo đảm quyền của các dân tộc tự do phát triển tất cả các giá trị của mình. Vì thế, sau khi giành được độc lập, dân tộc được giải phóng, phải quá độ lên CNXH phù hợp với đặc điểm tình hình đất nước, tránh giáo điều dập khuôn, những hình thức, bước đi của những nước khác.

#### 5.6. Sự nổi trội của tính dân tộc trong quan hệ giai cấp và dân tộc

Ở Việt Nam đấu tranh cho sự tồn tại của dân tộc, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc

#### **Câu 14: Khái niệm tồn tại xã hội? Ý thức xã hội?**

##### **\* *Tồn tại xã hội:***

- Tồn tại xã hội là phạm trù chỉ toàn bộ đời sống vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.

- Tồn tại xã hội bao gồm các yếu tố:

+ Phương thức sản xuất vật chất.

+ Điều kiện tự nhiên – hoàn cảnh địa lý.

+ Dân số và mật độ dân cư.

Trong đó, phương thức sản xuất vật chất là yếu tố quyết định, hai yếu tố còn lại có vai trò quan trọng. Ngoài các yếu tố cơ bản trên, khi nói tới tồn tại xã hội cần phải lưu ý tới các quan hệ vật chất khác như quan hệ giai cấp, dân tộc, quốc tế,...

##### **\* *Ý thức xã hội:***

- Ý thức xã hội là mặt tinh thần của đời sống xã hội, bao gồm những quan điểm, tư tưởng cùng những tình cảm, tâm trạng,... nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định.

- Ý thức xã hội là một hiện tượng phức tạp, tùy theo góc độ xem xét, người ta có thể phân ý thức xã hội thành:

+ Ý thức thông thường và ý thức lý luận (theo trình độ).

+ Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội (theo cấp độ).

#### **Câu 15: Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội? Ý nghĩa của vấn đề trong quá trình xây dựng ý thức xã hội mới ở nước ta hiện nay?**

##### **\* *Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội:***

- Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội do nó không phản ánh kịp tồn tại xã hội; do sự lạc hậu của một số ý thức xã hội như ý thức tôn giáo; do sức ỳ của tâm lý, của thói quen; do một số lực lượng bảo thủ trong xã hội muốn duy trì những ý thức xã hội lạc hậu.

- Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội do tính năng động của nó (khi vượt trước nó vẫn bị quy định bởi tồn tại xã hội).

- Tính kế thừa của ý thức xã hội trong sự phát triển của mình.
- Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội.
- Sự tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội (có thể tác động tích cực, tiêu cực). Mức độ và hiệu quả tác động của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội phụ thuộc vào các yếu tố:

- + Tính đúng đắn, khách quan, khoa học mà ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội.
- + Mức độ thâm nhập của ý thức xã hội vào quần chúng nhân dân.
- + Mức độ vận dụng đúng đắn, sáng tạo ý thức xã hội của chủ thể lãnh đạo quản lý.

**\* Ý nghĩa**

- Nghiên cứu ý thức xã hội không được dừng lại ở các hiện tượng ý thức mà phải đi sâu nghiên cứu tồn tại xã hội.
- + Muốn phát triển ý thức xã hội xã hội chủ nghĩa về lâu dài phải phát triển cơ sở vật chất xã hội của nó.
- + Phải thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của ý thức xã hội đối với quá trình hình thành nền văn hóa mới và con người mới.

**Câu 16: Tồn tại xã hội là gì? Vai trò của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội? Ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề?**

**\* Tồn tại xã hội:**

- Tồn tại xã hội là phạm trù chỉ toàn bộ đời sống vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.

- Tồn tại xã hội bao gồm các yếu tố:
  - + Phương thức sản xuất vật chất.
  - + Điều kiện tự nhiên – hoàn cảnh địa lý.
  - + Dân số và mật độ dân cư.

**\* Vai trò của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội**

- Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội. Nhìn chung, tồn tại xã hội nào thì ý thức xã hội ấy.

- Khi tồn tại xã hội thay đổi (nhất là phương thức sản xuất) thì những tư tưởng, tình cảm, tâm trạng,... (ý thức xã hội) sớm hay muộn sẽ thay đổi theo.

- Tồn tại xã hội quyết định nội dung, tính chất, đặc điểm, xu hướng phát triển của các hình thái ý thức xã hội.

- Nếu tồn tại xã hội còn phân chia giai cấp thì ý thức xã hội cũng mang tính giai cấp.

**\* Ý nghĩa**

- Nghiên cứu ý thức xã hội không được dừng lại ở các hiện tượng ý thức mà phải đi sâu nghiên cứu tồn tại xã hội.

+ Muốn phát triển ý thức xã hội xã hội chủ nghĩa về lâu dài phải phát triển cơ sở vật chất xã hội của nó.

+ Phải thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của ý thức xã hội đối với quá trình hình thành nền văn hóa mới và con người mới.

**Câu 17: Ý thức xã hội mới là gì? Những vấn đề có tính phương pháp luận của quá trình xây dựng ý thức xã hội mới ở nước ta hiện nay?**

**\* Ý thức xã hội mới**

Ý thức xã hội mới là toàn bộ những tư tưởng, quan điểm, những tình cảm, tâm trạng, truyền thống,... của cộng đồng dân tộc Việt Nam, mà hạt nhân tư tưởng là chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phản ánh lợi ích căn bản của nhân dân nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ xã hội mới.

**\* Những vấn đề có tính phương pháp luận của quá trình xây dựng ý thức xã hội mới ở nước ta hiện nay**

- Xây dựng ý thức xã hội mới là một bộ phận không thể tách rời với công cuộc xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới.

- Quá trình xây dựng ý thức xã hội mới là quá trình kết hợp giữa “xây” và “chống”.

- Kế thừa và đổi mới trong quá trình xây dựng ý thức xã hội mới: cần kế thừa một cách biện chứng và phát huy những giá trị truyền thống dân tộc.

- Phát huy vai trò của ý thức xã hội mới trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước: Cần đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, kịp thời làm sáng tỏ những vấn đề lý luận mà cuộc sống đang đặt ra; Tăng cường học tập lý luận, tuyên truyền, giáo dục, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho hệ tư tưởng của Đảng trở thành nền tảng và kim chỉ nam cho nhận thức, hành động của toàn

Đảng và nhân dân; không ngừng hoàn thiện ý thức xã hội mới theo hướng khoa học, cách mạng, tiên bộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội mới, con người mới; Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong quá trình tuyên truyền, giáo dục ý thức xã hội mới.

**Câu 18: Nội dung chủ nghĩa duy vật mácxít?**

- Chủ nghĩa duy vật mácxít có quan niệm đúng đắn về phạm trù vật chất.
- Chủ nghĩa duy vật mácxít có quan niệm đúng đắn về phạm trù ý thức.
- Chủ nghĩa duy vật mácxít có quan niệm đúng đắn về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

**Câu 19: Đặc điểm của chủ nghĩa duy vật Mác xít?**

- Chủ nghĩa duy vật mácxít có sự thống nhất giữa phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật.
- Chủ nghĩa duy vật mácxít là chủ nghĩa duy vật triệt để nghĩa là duy vật cả trong giải thích lĩnh vực xã hội.
- Chủ nghĩa duy vật mácxít có sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa tính cách mạng và tính khoa học.
- Chủ nghĩa duy vật mácxít là thế giới quan của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Chủ nghĩa duy vật mácxít là thế giới quan của giai cấp công nhân.

**Câu 20: Vai trò của chủ nghĩa duy vật Mác xít trong việc chống chủ nghĩa chủ quan duy ý chí?**

- *Chủ nghĩa chủ quan duy ý chí* là khuynh hướng cường điệu, thổi phồng, bơm to, tuyệt đối hóa vai trò của ý chí; tách rời, thậm chí đối lập ý chí với ý thức; coi ý chí có tính độc lập tuyệt đối, tách rời (xa rời) hiện thực khách quan.

- *Nguồn gốc của bệnh chủ quan duy ý chí.*

+ Nguồn gốc nhận thức: cường điệu, thổi phồng, tuyệt đối hóa vai trò của ý chí chủ quan con người.

+ Nguồn gốc lịch sử, xã hội, giai cấp: Sai lầm “tả” khuynh trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân- trí phú cường hào đào tận gốc, tróc tận rễ; sai lầm có tính chất chủ quan, nóng vội trong thời kỳ xây dựng CNXH ở miền Bắc; bối cảnh xã hội và khuynh hướng tâm lý tư tưởng ở thời kỳ sau đại thắng mùa xuân năm 1975, thống nhất đất nước

Bệnh chủ quan duy ý chí do những điều kiện lịch sử ở nước ta quy định, nên có những nét đặc thù biểu hiện ở lòng ham muốn và ảo tưởng “tiên nhanh lên CNXH” thông qua các chủ trương, chính sách và hành động thực tiễn, chứ không phải bắt nguồn một cách tự giác từ một học thuyết duy tâm nào đó.

Bệnh chủ quan duy ý chí ở nước ta chủ yếu là do thiếu kiến thức, kém lý luận, ít kinh nghiệm, sự lạc hậu trong nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội.

**- Chủ nghĩa duy vật mácxít là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học:**

Thế giới quan khoa học thể hiện ở quan điểm khách quan- quan điểm hàng đầu của triết học macxit. Quan điểm khách quan trong nghiên cứu, xem xét sự vật, hiện tượng đòi hỏi chúng ta tuân thủ một số yêu cầu sau:

+ *Thứ nhất*, trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, mọi chủ trương, đường lối, kế hoạch, mục tiêu đều phải xuất phát từ thực tế khách quan.

+ *Thứ hai*, phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, nếu không làm như vậy sẽ phải gánh chịu những hậu quả khôn lường.

+ *Thứ ba*, nhận thức sự vật, hiện tượng phải chân thực, đúng đắn, tránh tô hồng hoặc bôi đen đối tượng.

+ *Thứ tư*, nhận thức, cải tạo sự vật hiện tượng nhìn chung phải xuất phát từ chính bản thân sự vật hiện tượng đó.

+ *Thứ năm*, chúng ta cần tránh chủ nghĩa chủ quan, bệnh chủ quan duy ý chí, chủ nghĩa duy vật tầm thường, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa khách quan.

+*Thứ sáu*, quan điểm khách quan đòi hỏi phải phát huy tính năng động, sáng tạo của ý thức, phát huy vai trò nhân tố con người, chống tư tưởng, thái độ thụ động, ỷ lại, ngồi chờ, bảo thủ, trì trệ, thiếu tính sáng tạo.

**Câu 21: Phân tích cơ sở lý luận, yếu cầu và ý nghĩa của quan điểm toàn diện?**

**1. Cơ sở lý luận:**

Quan điểm toàn diện là quan điểm khi xem xét và nghiên cứu sự vật, hiện tượng phải nghiên cứu tất cả các mặt, các yếu tố, kể cả các mặt khâu trung gian, trực tiếp và gián tiếp có liên quan đến sự vật, từ tri thức một mặt đến tri thức nhiều mặt về sv từ đó khái quát lại, rút ra cái bản chất nhất của nó.

- Cơ sở lý luận của nguyên tắc toàn diện là **nguyên lý về mối liên hệ phổ biến:**

**\* Các khái niệm**

+ Liên hệ là khái niệm dùng để chỉ sự nương tựa, sự thâm nhập vào nhau, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng.

+ Liên hệ phổ biến là khái niệm dùng để chỉ sự liên hệ diễn ra ở nhiều sự vật, hiện tượng, cả trong tự nhiên, trong xã hội và trong tư duy. Cơ sở của mối liên hệ chính là tính thống nhất của thế giới vật chất.

### \* *Nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến*

+ Mối liên hệ là khách quan và phổ biến (Không có sự vật tồn tại cô lập, độc lập tuyệt đối)

+ Bản chất của sự vật hình thành, biến đổi và bộc lộ thông qua mối liên hệ phổ biến;

+ Mối liên hệ mang tính đa dạng (bên trong, ngoài; chủ yếu, thứ yếu; trực tiếp, gián tiếp; cơ bản, không cơ bản). Tính đa dạng của sự liên hệ do tính đa dạng trong sự vận động, sự tồn tại và phát triển của chính các sự vật và hiện tượng quy định.

Mối liên hệ phổ biến thể hiện rõ nét nhất thông qua việc nhận thức các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật (cái chung-cái riêng; bản chất-hiện tượng; nội dung-hình thức; nguyên nhân-kết quả; khả năng-hiện thực; tất nhiên-ngẫu nhiên)

### **2. Yêu cầu:**

- Phải xem xét sự vật trong mối quan hệ qua lại giữa các bộ phận, yếu tố, các thuộc tính khác nhau của chính sự vật đó.

- Để nhận thức đúng đắn về sự vật, hiện tượng đòi hỏi chúng ta phải xem xét nó trong sự liên hệ, tác động qua lại với sự vật, hiện tượng khác (kể cả khâu trung gian của nó) chứ không được tách nó ra khỏi sự vật, hiện tượng khác.

- Để xem xét đúng bản chất của sự vật đòi hỏi phải xem xét nó trong mối liên hệ với thực tiễn;

- Xem xét toàn diện các mối liên hệ nhưng phải đánh giá đúng vị trí, vai trò của từng mối liên hệ, phải làm nổi bật các mối liên hệ cơ bản, tránh xem xét một cách bình quân, dàn trải thiếu trọng tâm, trọng điểm.

### **3. Ý nghĩa.**

- Khắc phục *bệnh phiến diện* (chỉ nhìn nhận một hoặc một vài liên hệ; đánh giá cào bằng những đặc trưng khác nhau);

- Khắc phục tình trạng *ngụy biện* (tư duy đánh tráo khái niệm; biến cái không cơ bản thành cơ bản);



- Khắc phục tình trạng **chiết trung** (kết hợp các yếu tố với nhau không có nguyên tắc, gán kết những nhân tố không có liên hệ nội tại với nhau thành một chỉnh thể)

- Trong cải tạo thể giới: việc quán triệt quan điểm toàn diện sẽ giúp cho việc đánh giá, nhận xét, nhìn nhận sự vật hiện tượng một cách hệ thống đồng bộ, đồng thời nắm vững bối cảnh, quá trình biến đổi của sự vật hiện tượng và xu hướng phát triển của sự vật hiện tượng, từ đó có hệ thống các chính sách, biện pháp, phương tiện tác động phù hợp, trong đó có những khâu đột phá, trọng tâm, trọng điểm; đồng thời có tính mềm dẻo, linh hoạt khi tình hình thay đổi.

## **Câu 22: Quan hệ giữa cái chung và cái riêng, ý nghĩa phương pháp luận?**

**1. Các định nghĩa: chung, riêng, đơn nhất:** phạm trù triết học

**Cái chung:** chỉ những mặt/thuộc tính không chỉ có ở một sự vật/hiện tượng/kết cấu vật chất nhất định, mà được LẶP LẠI trong nhiều sự vật/hiện tượng/kết cấu vật chất khác.

**Cái riêng:** chỉ MỘT sự vật/hiện tượng/quá trình riêng lẻ nhất định, tồn tại như một chỉnh thể tương đối ĐỘC LẬP.

**Cái đơn nhất:**

+ chỉ những mặt/thuộc tính chỉ có ở một sự vật/hiện tượng/kết cấu vật chất nhất định, KHÔNG LẶP LẠI trong các sự vật/hiện tượng/kết cấu vật chất khác. Ví dụ: thuộc tính riêng của công nhân VN sau cách mạng tháng 8.

+ có thể chuyển hóa hoặc không chuyển hóa thành cái chung.

**2. Quan hệ chung – riêng:** Ví dụ (VD): thuộc tính của động vật - mèo

2.1 Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng. VD: Thông qua con mèo, biết thế nào là động vật.

2.2 Cái riêng chỉ tồn tại trong mối liên hệ đưa tới cái chung. VD: Con mèo được nhắc đến như là một loài động vật.

2.3 Cái chung là một bộ phận của cái riêng, cái riêng không gia nhập hết vào cái chung. VD: Con mèo là một loại động vật, nếu con mèo chỉ là động vật nói chung thì không phân biệt được thế nào mèo.

Lưu ý: Trong điều kiện nhất định, cái đơn nhất chuyển thành cái chung và ngược lại. VD: tất cả các con mèo ở thành phố đều không biết bắt chuột, qua quá trình tiến hóa, mèo không biết bắt chuột.

Lênin: “bất cứ cái riêng (nào cũng) là cái chung. Bất cứ cái chung nào cũng là (một bộ phận/khía cạnh/bản chất) của cái riêng. Bất cứ cái chung vào cũng chỉ bao quát một cách đại khái tất cả mọi vật riêng lẻ. Bất cứ cái riêng nào cũng không gia nhập đầy đủ vào cái chung.”

### 3. Ý nghĩa phương pháp luận:

Về mặt nhận thức:

(1) chỉ có thể tìm cái chung trong cái riêng, xuất phát từ những sự vật/hiện tượng riêng lẻ để tìm ra cái chung. VD: các tiêu chuẩn nông thôn mới cần xây dựng từ quan sát các loại hình nông thôn ở các vùng miền khác nhau, chứ không nên áp đặt từ trên xuống.

(2) nắm được cái chung là chìa khóa để giải quyết những vấn đề riêng.

(3) phê phán phái duy thực (tuyệt đối hóa cái chung, hạ thấp vai trò cái riêng); duy danh (ngược lại).

Về mặt thực tiễn:

(1) Bất cứ luận điểm chung nào khi áp dụng vào từng trường hợp riêng nào cũng cần được cá biệt hóa. Tuyệt đối hóa cái chung = giáo điều; tuyệt đối hóa cái đơn nhất = xét lại.

(2) Khi giải quyết những vấn đề riêng, không được lảng tránh những vấn đề chung (lý luận liên quan đến vấn đề riêng đó).

(3) Trong hoạt động thực tiễn, cần: xác định cái chung bản chất để cải tạo cái riêng; tạo điều kiện thuận lợi để cái đơn nhất có lợi/hợp quy luật thành cái chung, cái chung bất lợi/không còn hợp quy luật thành cái đơn nhất./.

**Câu 23: Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập và ý nghĩa của phương pháp luận?**

#### 1. Vị trí của quy luật

- Đây là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật;  
- Quy luật này chỉ ra *nguồn gốc, động lực* của sự vận động, phát triển chính là việc giải quyết các mâu thuẫn vốn có trong lòng các sự vật, hiện tượng (hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau. Mâu thuẫn do các mặt đối lập tạo nên.

#### 2. Nội dung quy luật

Nội dung cơ bản của quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập được làm sáng tỏ thông qua các phạm trù cơ bản: “*mặt đối lập*”, “*sự thống nhất*” và “*đấu tranh của các mặt đối lập*”.

Các “**mặt đối lập**” được hiểu là những mặt có đặc điểm, hoặc có khuynh hướng vận động ngược chiều nhau tồn tại trong cùng một sự vật hay hệ thống sự vật, tác động qua lại với nhau tạo nên sự vận động và biến đổi của sự vật.

- Chính những mặt đối lập nằm trong sự liên hệ, tác động qua lại với nhau tạo nên mâu thuẫn biện chứng. Như vậy **mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập biện chứng.**

+ “**Sự thống nhất của các mặt đối lập**” là sự nương tựa vào nhau, làm điều kiện và tiền đề tồn tại cho nhau, không có mặt đối lập này thì không có mặt đối lập kia.

Sự thống nhất của các mặt đối lập được hiểu theo hai nghĩa:

*Thứ nhất*, đó là sự kết hợp với nhau, nương tựa vào nhau, bổ sung cho nhau, làm tiền đề tồn tại của nhau

*Thứ hai*, đó là sự đồng nhất, phù hợp, tác động ngang nhau, chuyển hóa lẫn nhau.

+ “**Đấu tranh của các mặt đối lập**” là sự tác động lẫn nhau, sự bài trừ, phủ định lẫn nhau, sự triển khai của các mặt đối lập.

Sự thống nhất có quan hệ hữu cơ với sự đứng im, sự ổn định tạm thời của sự vật. Sự đấu tranh có mối quan hệ gắn bó với tính tuyệt đối của sự vận động và sự phát triển. Điều đó có nghĩa là *sự thống nhất* của các mặt đối lập là *tương đối*, *sự đấu tranh* của các mặt đối lập là *tuyệt đối*.

- Mâu thuẫn biện chứng có những đặc trưng cơ bản: tính khách quan; tính phổ biến; tính đa dạng; tính lịch sử-cụ thể.

- Hình thức biểu hiện của mâu thuẫn cũng rất đa dạng: mâu thuẫn bên trong, mâu thuẫn bên ngoài; mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn không cơ bản; mâu thuẫn chủ yếu, mâu thuẫn không chủ yếu...

\* **Mâu thuẫn xã hội**: Mâu thuẫn giữa các giai cấp, các tập đoàn người, các cộng đồng xã hội có lợi ích đối lập nhau.

- Cơ sở nảy sinh mâu thuẫn xã hội là đối lập về lợi ích (tư tưởng, tinh thần hoặc vật chất)

- Thực thể mang mâu thuẫn xã hội là con người với nhiều cấp độ tồn tại khác nhau của nó

- Đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn xã hội là đấu tranh giữa những con người nhằm thay đổi quan hệ lợi ích giữa người với người.

Trong xã hội, bên cạnh mâu thuẫn biện chứng khách quan có vai trò thúc đẩy xã hội phát triển còn có mâu thuẫn do sai lầm chủ quan làm kìm hãm sự phát triển của nó.

Từ những điều trình bày trên có thể nêu **thực chất quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập** như sau: *Mọi sự vật và hiện tượng đều chứa đựng những mặt, những khuynh hướng đối lập tạo thành những mâu thuẫn trong bản thân mình; sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập tạo thành xung lực nội tại của sự vận động và phát triển, dẫn tới sự mất đi của cái cũ và sự ra đời của cái mới.*

### **3. Ý nghĩa phương pháp luận**

- **Đối với nhận thức:** Mâu thuẫn là khách quan phổ biến nên việc nhận thức mâu thuẫn của sự vật là rất quan trọng.

+ Khi phân tích mâu thuẫn, phải xem xét toàn diện các mặt đối lập, theo dõi quá trình phát sinh, phát triển của các mặt đó.

+ Phải phân biệt được các loại mâu thuẫn để giải quyết kịp thời đưa sự vật phát triển tiến lên.

- **Đối với hoạt động thực tiễn:**

+ Phải xác định đúng trạng thái chín muồi của mâu thuẫn để tìm ra phương thức, phương tiện và lực lượng có khả năng giải quyết mâu thuẫn và tổ chức giải quyết mâu thuẫn một cách triệt để.

+ Mâu thuẫn chỉ được giải quyết khi có đủ điều kiện chín muồi. Cho nên, không được giải quyết mâu thuẫn một cách nóng vội khi chưa có đủ điều kiện, cũng không để cho việc giải quyết mâu thuẫn diễn ra một cách tự phát, phải chủ động thúc đẩy sự chín muồi của mâu thuẫn.

+ Mâu thuẫn được giải quyết bằng con đường đấu tranh(dưới những hình thức cụ thể rất khác nhau) chứ không phải bằng điều hòa mâu thuẫn. Đối với các mâu thuẫn khác nhau cần có phương pháp giải quyết khác nhau. Phải có biện pháp giải quyết thích hợp với từng mâu thuẫn cụ thể.

### **Câu 24: Phân tích cơ sở lý luận, yêu cầu và ý nghĩa của quan điểm phát triển?**

#### **1. Cơ sở lý luận:**

Cơ sở lý luận của quan điểm phát triển là nguyên lý về sự phát triển của phép biện chứng duy vật:

\* **Khái niệm:** Phát triển là sự vận động từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện của tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Phát triển là quá trình tự thân, khách quan, phổ biến, phong phú, đa dạng.

+ Phát triển là trường hợp đặc biệt của sự vận động và trong sự phát triển sẽ nảy sinh những tính quy định mới, cao hơn về chất, nhờ đó, làm cho cơ cấu tổ chức, phương thức tồn tại và vận động của sự việc, hiện tượng cùng chức năng của nó ngày càng hoàn thiện hơn.

\* **Nội dung nguyên lý về sự phát triển:**

- Phát triển là khuynh hướng phổ biến

+ Không phải tất cả đều phát triển nhưng đại đa số sự vật là phát triển.

+ Không phải các giai đoạn tồn tại của sự vật đều phát triển nhưng trong vòng đời của nó phát triển là phổ biến

+ Sự vật không phải phát triển theo đường thẳng, có tiến, có lùi nhưng luôn bám theo khuynh hướng phát triển.

- Phát triển là quá trình tự thân

+ Nguồn gốc của sự phát triển: là sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập (quy luật mâu thuẫn);

+ Cách thức của sự phát triển: là từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất (quy luật lượng chất).

+ Khuynh hướng của sự phát triển: quy luật phủ định của phủ định.

## **2. Yêu cầu:**

- Quan điểm phát triển yêu cầu khi xem xét sự vật, hiện tượng phải đặt nó trong trạng thái vận động, biến đổi chuyển hoá để không chỉ nhận thức sự vật, hiện tượng trong trạng thái hiện tại mà còn thấy được khuynh hướng phát triển của nó trong tương lai, nghĩa là phải phân tích để làm rõ những biến đổi của sự vật, hiện tượng.

- Không chỉ thấy sự vật như đang có mà phải thấy được khuynh hướng phát triển trong tương lai của nó và đôi lúc phải thấy được tính quanh co, phức tạp;

- Sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng là một quá trình chứa đựng mâu thuẫn. Việc giải quyết mâu thuẫn làm cho sự vật vận động, phát triển vì vậy chúng ta phải biết phát hiện mâu thuẫn, tìm cách giải quyết mâu thuẫn, xác định xu hướng phát triển của sự vật, hiện tượng do sự phủ định biện chứng quy định; coi phủ định là tiền đề cho sự ra đời của sự vật hiện tượng mới để thúc đẩy sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.

- Quan điểm phát triển yêu cầu, phải nhận thức sự phát triển là quá trình trải qua nhiều giai đoạn từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Mỗi giai đoạn phát triển lại có những đặc điểm, tính chất, hình thức khác nhau.

- Tư duy phải mềm dẻo, luôn được bổ sung cho phù hợp với sự vận động, phát triển của thực tiễn của cuộc sống.

### 3. Ý nghĩa.

- **Khắc phục thái độ bảo thủ, trì trệ**

+ Xem xét sự vật trong trạng thái ngưng đọng;

+ Thỏa mãn với những cái đã có; an bài với trật tự hiện có

- **Khắc phục quan điểm giản đơn, siêu hình về sự phát triển**

+ Thiếu kiên quyết, triệt để trong đổi mới

+ Lẩn tránh mâu thuẫn, không dám chấp nhận bước lùi, trả giá để có sự phát triển

+ Không chú ý sự phát triển về lượng và tổ chức bước nhảy khi có điều kiện

+ Phủ định sạch trơn, kế thừa nguyên xi.

**Câu 25: Quy luật từ những sự biến đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại và ý nghĩa phương pháp luận?**

#### 1. Vị trí quy luật:

+ Là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

+ Quy luật này chỉ ra **cách thức** của sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng: Đó là quá trình chuyên hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại.

#### 2. Nội dung quy luật

- **Định nghĩa các phạm trù “chất” và “lượng”**

**Chất** là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng, là sự thống nhất các thuộc tính, làm cho nó là nó và phân biệt nó với những cái khác.

**Lượng** là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định vốn có của sự vật biểu thị số lượng, quy mô, nhịp điệu của sự vận động và phát triển của sự vật cũng như các thuộc tính của nó.

- **Mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng**

+ **Sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất**

Bất cứ sự vật nào cũng là sự thống nhất giữa chất và lượng.

Khi sự vật đang tồn tại, chất và lượng thống nhất với nhau trong một giới hạn “**độ**” nhất định. “**Độ**” là khoảng giới hạn mà ở đó sự thay đổi về lượng chưa làm cho sự thay đổi về chất diễn ra.

Sự biến đổi của sự vật bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi của lượng. Sự biến đổi của lượng vượt quá giới hạn “độ” sẽ làm cho sự vật thay đổi về chất.

Điểm tới hạn mà tại đó sự thay đổi về lượng đã làm thay đổi căn bản về chất của sự vật gọi là “**điểm nút**”.

Sự thay đổi về chất do những sự thay đổi về lượng trước đó gây ra gọi là “**bước nhảy**”. Có *bước nhảy đột biến* (khi chất của sự vật biến đổi nhanh chóng ở tất cả các bộ phận cơ bản cấu thành của nó), có *bước nhảy dần dần* (là quá trình thay đổi về chất diễn ra bằng con đường tích lũy dần dần những nhân tố của chất mới và mất đi dần dần những nhân tố của chất cũ) ; có *bước nhảy toàn bộ* (là loại bước nhảy làm thay đổi về chất tất cả các mặt, các bộ phận, các yếu tố cấu thành sự vật) có *bước nhảy cục bộ* (là loại bước nhảy làm thay đổi một số mặt, một số yếu tố, một số bộ phận của sự vật đó).

+ *Sau khi ra đời chất mới có tác động trở lại sự thay đổi của lượng.*

Chất mới có thể làm thay đổi quy mô tồn tại của sự vật, làm thay đổi nhịp điệu của sự vận động và phát triển của sự vật đó

Từ những điều trình bày trên có thể rút ra **nội dung cơ bản của quy luật** chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại như sau: *Bất kỳ sự vật nào cũng là sự thống nhất giữa chất và lượng, sự thay đổi dần dần về lượng vượt quá giới hạn của độ sẽ dẫn tới thay đổi căn bản về chất của sự vật thông qua bước nhảy; chất mới ra đời sẽ tác động trở lại tới sự thay đổi của lượng*

### **Ý nghĩa phương pháp luận**

+ **Thứ nhất**, Để có tri thức đầy đủ về sự vật, ta phải nhận thức cả mặt lượng và mặt chất của nó.

+ **Thứ hai**, mọi biến đổi đều bắt đầu từ sự biến đổi về lượng, do đó trong nhận thức và hoạt động thực tiễn muốn thay đổi về chất cần phải tích lũy về lượng, tránh tư tưởng chủ quan, nóng vội, đốt cháy giai đoạn.

+ **Thứ ba**, nghiên cứu các bước nhảy, đòi hỏi chúng ta phải chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, thiếu tinh thần tiến công cách mạng, ngại đổi mới

+ **Thứ tư**, nghiên cứu cách thức sự vận động, phát triển giúp cho chúng ta có cơ sở lý luận và phương pháp luận khoa học để chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch cũng như những biểu hiện xa rời mục tiêu của CNXH, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên nước ta hiện nay.

### **Câu 26: Quy luật phủ định của phủ định và ý nghĩa phương pháp luận?**

\* **Phủ định**: Bất cứ sự vật, hiện tượng nào trong thế giới đều trải qua quá trình sinh ra, tồn tại, phát triển và diệt vong. Sự vật cũ mất đi được thay bằng sự vật mới. Sự thay thế đó là tất yếu trong quá trình vận động và phát triển của sự vật. Không như vậy sự vật không thể phát triển được. sự thay thế đó được triết học gọi là phủ định.

\* **Phủ định biện chứng**: Phủ định biện chứng là phạm trù triết học dùng để chỉ sự phủ định tự thân, sự phát triển tự thân, là mắt khâu trong quá trình dẫn tới sự ra đời sự vật mới tiến bộ hơn sự vật cũ.

Phủ định biện chứng có 2 đặc trưng cơ bản:

+ **Tự phủ định (Tất yếu khách quan)**: Sự vật hiện tượng luôn chứa đựng mâu thuẫn và việc giải quyết mâu thuẫn đó làm sự vật biến đổi – tự thân phát triển.

+ **Tính kế thừa** (kế thừa, giữ lại cái tích cực cái cũ tạo thành tiền đề cho sự ra đời của cái mới).

(Phủ định biện chứng là kết quả của sự phát triển tự thân của sự vật, nên nó không phải là sự thủ tiêu, sự phá hủy hoàn toàn cái cũ. Cái mới chỉ có thể ra đời trên nền tảng của cái cũ, chúng không thể từ hư vô. Cái mới ra đời là sự phát triển tiếp tục của cái cũ trên cơ sở gạt bỏ những mặt tiêu cực, lỗi thời, lạc hậu của cái cũ và chọn lọc, giữ lại, cải tạo những mặt còn thích hợp, những mặt tích cực, bổ sung những mặt mới phù hợp với hiện thực. Do vậy, thông qua những lần phủ định biện chứng của bản thân, sự vật sẽ ngày càng phát triển)

\* **Quy luật Phủ định của phủ định**:

Quy luật phủ định của phủ định biểu hiện sự phát triển của sự vật là do mâu thuẫn trong bản thân sự vật quyết định. Mỗi lần phủ định là kết quả đấu tranh và chuyển hóa giữa các mặt đối lập trong bản thân sự vật - giữa mặt khẳng định và phủ định. Sự phủ định lần thứ nhất diễn ra là cho sự vật cũ chuyển thành cái đối lập với mình. Sự phủ định lần thứ hai được thực hiện dẫn tới sự vật mới ra đời. Sự vật này đối lập với cái được sinh ra ở lần phủ định thứ nhất. Nó được bổ sung nhiều nhân tố mới. Như vậy sau hai lần phủ định sự vật dường như quay trở lại cái cũ, nhưng trên cơ sở mới cao hơn là đặc điểm quan trọng nhất của sự phát triển biện chứng thông qua phủ định của phủ định.



Phủ định của phủ định làm xuất hiện sự vật mới là kết quả của sự tổng hợp tất cả nhân tố tích cực đã có và đã phát triển trong cái khẳng định ban đầu và trong những lần phủ định tiếp theo. Do vậy, sự vật mới với tư cách là kết quả của phủ định của phủ định có nội dung toàn diện hơn, phong phú hơn, có cái khẳng định ban đầu và kết quả của sự phủ định lần thứ nhất.

Kết quả của sự phủ định của phủ định là điểm kết thúc của một chu kỳ phát triển và cũng là điểm khởi đầu của chu kỳ phát triển tiếp theo.

Phủ định biện chứng dẫn tới sự ra đời của cái mới, đến lượt nó cái mới lại bị phủ định. Cứ như vậy, sự vật ở trong quá trình vận động, phát triển không ngừng. Nhưng đến một lúc nào đó sẽ ra đời một sự vật mới mà ở đó có sự lặp lại một số đặc trưng cơ bản của điểm xuất phát nhưng ở một trình độ cao hơn. Đó là quy luật phủ định của phủ định. Phát triển biện chứng là sự thống nhất giữa tiến lên và lặp lại, tạo thành đường xoáy tròn ốc.

\* **Ý nghĩa:** Ý nghĩa quy luật phủ định của phủ định là phải biết phát hiện cái mới, nhân rộng và phát triển cái mới lên.

+ Quy luật phủ định của phủ định giúp chúng ta nhận thức đúng đắn về xu hướng phát triển của sự vật. Quá trình phát triển của bất kỳ một sự vật nào cũng không bao giờ đi theo một đường thẳng, nó gồm có nhiều chu kỳ khác nhau. Chu kỳ sau bao giờ cũng tiến bộ hơn chu kỳ trước. Do đó, chúng ta phải hiểu những đặc điểm đó để có cách tác động phù hợp với yêu cầu phát triển.

+ Theo đó, mọi sự vật luôn xuất hiện cái mới thay thế cái cũ, cái tiến bộ thay thế cái lạc hậu, cái mới ra đời trên cơ sở kế thừa tất cả những nhân tố tích cực của cái cũ. Do đó, trong hoạt động của mình, con người phải biết kế thừa tinh hoa của cái cũ, tránh thái độ phủ định sạch trơn.

+ Trong giới tự nhiên cái mới phát triển một cách tự phát, còn trong xã hội cái mới ra đời gắn liền với hoạt động có ý thức của con người. Chính vì thế trong hoạt động của chính mình con người phải biết phát hiện cái mới và ủng hộ nó.

- **Vận dụng với quá trình đổi mới ở nước ta:** Quy luật phủ định của phủ định giúp chúng ta nhận thức đúng đắn về xu hướng phát triển của sự vật. quá trình phát triển của bất kỳ sự vật nào cũng không bao giờ đi theo đường thẳng mà diễn ra quanh co, phức tạp trong đó bao gồm nhiều chu kỳ khác nhau. Chu kỳ sau bao giờ cũng tiến bộ hơn chu kỳ trước. Vì vậy, quá trình đổi mới của nước ta cùng đều diễn ra theo chiều hướng đó. Nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự quản lý điều tiết của nhà nước tạo tiền đề

phủ định nền kinh tế tập trung, bao cấp đặt nền móng cho xã hội phát triển cao hơn nó trong tương lai đó là xã hội xã hội chủ nghĩa.

### **Câu 27: Bản chất, biểu hiện, nguyên nhân của bệnh kinh nghiệm và phương hướng khắc phục?**

#### ***Bản chất:***

Là khuynh hướng tư tưởng và hành động **tuyệt đối hóa kinh nghiệm** cá biệt, cụ thể; biến chúng thành những kinh nghiệm phổ biến nhằm áp dụng những kinh nghiệm này cho mọi trường hợp, mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh, hạ thấp coi thường lý luận.

#### ***Biểu hiện:***

Người mắc bệnh kinh nghiệm dễ rơi vào lối giản đơn, tư duy áng chừng, đại khái. Trong hoạt động thực tiễn thì mò mẫm, tùy tiện, sự vụ, gặp đâu hay đó, thiếu nhìn xa trông rộng ...

#### ***Nguyên nhân:***

- Do ảnh hưởng tiêu cực của sản xuất nhỏ, lúa nước, theo mùa, theo chu kỳ;
- Ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng gia trưởng, phong kiến;
- Ảnh hưởng của kinh nghiệm chiến tranh du kích quá lâu dài ...

Nhưng nguyên nhân cơ bản, trực tiếp nhất là **vi phạm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn**, không hiểu quan hệ biện chứng giữa lý luận với thực tiễn của cán bộ, đảng viên.

#### ***Phương hướng khắc phục:*** Phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp:

- Thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của nền sản xuất nhỏ;
- Khắc phục tư tưởng gia trưởng, phong kiến, như tư tưởng coi thường tri thức, tuyệt đối hóa kinh nghiệm của người cao tuổi, ...
- Đặc biệt phải quán triệt tốt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, hiểu và vận dụng đúng quan hệ biện chứng giữa lý luận với thực tiễn.

### **Câu 28: Quan điểm của Đảng về đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta?**

- **Đổi mới kinh tế**, theo quan điểm của Đảng, là việc chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung, bao cấp chủ yếu dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và dưới sự

lãnh đạo của Đảng theo định hướng xã hội chủ nghĩa (hiện nay gọi là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa).

Đó là quá trình chuyển từ nền kinh tế cơ bản là khép kín sang nền kinh tế mở đối với khu vực và thế giới, kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức.

- **Đổi mới chính trị**, theo quan niệm của Đảng, là đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội, về mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; là đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, nhất là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức và hoạt động của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; giữ vững ổn định chính trị; xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Đổi mới chính trị còn là đổi mới tư duy nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo vào phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình đổi mới, Đảng xác định cần giữ vững ổn định chính trị, điều kiện cho việc đổi mới toàn diện đất nước. Ổn định chính trị là điều kiện cho việc đổi mới và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình đổi mới; tuy nhiên, ổn định chính trị không có nghĩa là bảo thủ, trì trệ.

### **Câu 29: Lý luận là gì? Vai trò của lý luận đối với thực tiễn?**

- **Lý luận:** Hồ Chí Minh chỉ rõ : “Lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử”.

#### ***- Vai trò của Lý luận đối với thực tiễn:***

+ Lý luận đóng vai trò soi đường, dẫn dắt, chỉ đạo thực tiễn.

+ Lý luận khoa học góp phần giáo dục, thuyết phục, động viên, tập hợp quần chúng để tạo thành phong trào hoạt động thực tiễn rộng lớn của đông đảo quần chúng.

+ Lý luận khoa học góp phần dự báo, định hướng đúng đắn cho hoạt động thực tiễn.

+ Lý luận khoa học cung cấp cho con người những tri thức khoa học về tự nhiên, xã hội và về bản thân con người. Trên cơ sở những tri thức khoa học đó, con người có thể thông qua hoạt động thực tiễn làm biến đổi tự nhiên, xã hội và bản thân phục cho mục đích của mình.

+ Lý luận có tính độc lập tương đối so với thực tiễn, do vậy nó có thể thông qua hoạt động thực tiễn tác động trở lại thực tiễn, góp phần làm biến đổi thực tiễn.

### **Câu 30: Vai trò của chính trị đối với kinh tế?**

- **Kinh tế:** là khái niệm dùng để chỉ tổng hòa các mối quan hệ giữa người với người, con người với xã hội liên quan trực tiếp đến sản xuất, trao đổi, phân phối nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người. Là toàn bộ những cách thức, phương thức mà con người trong xã hội nhất định nào đó dùng để chỉ sản xuất, trao đổi với nhau.

- **Chính trị:** Là một hiện tượng xã hội đặc biệt, xuất hiện khi xã hội phân chia thành các giai cấp, khi nhà nước xuất hiện. Chính trị là quan hệ giữa giai cấp, đảng phái, quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc về vấn đề giành, giữ, thực thi quyền lực chính trị.

Xét về bản chất, chính trị là quan hệ giữa các giai cấp, là sự tập trung biểu hiện của kinh tế, chính trị tức là kinh tế được cô đọng lại.

+ Chính trị là quan hệ giữa các giai cấp nhưng không phải là mọi giai cấp mà chỉ những quan hệ giai cấp khi chúng biểu hiện của cuộc đấu tranh nhằm đạt tới sự thống trị, giành lấy quyền lực nhà nước.

+ Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế: bản thân chính trị là cái gương phản ánh các hoạt động của quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, không phải mọi quan hệ kinh tế đều phản ánh trong chính trị mà chỉ những quan hệ kinh tế đặc trưng nhất. VD: Đa thành phần kinh tế - Đa hình thức sở hữu.

+ Cốt lõi của chính trị là quyền lực, biểu hiện tập trung của quyền lực là nhà nước.

#### **Mối quan hệ kinh tế và chính trị.**

Kinh tế và chính trị có mối quan hệ biện chứng tác động quyết định, chi phối lẫn nhau, kinh tế suy cho cùng quyết định chính trị. Chính trị tuy bị quyết định bởi kinh tế nhưng nó cũng có những quy luật vận động tương đối độc lập nên sự tác động của chính trị đối với kinh tế không phải là cái chung chung trừu tượng mà nó được thể chế hóa thành cơ quan quyền lực nhà nước, bộ máy nhà nước. Vì thế nó cũng có sức mạnh vật chất, sức mạnh kinh tế.

+ Chính trị có đời sống riêng (quy luật vận động riêng), chính trị có thể biến đổi nhanh hay chậm, thậm chí vượt trước kinh tế, nhưng nhìn chung là thay đổi chậm hơn kinh tế.

+ “Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế” (Lênin), nghĩa là chính trị là cái phản ánh, cái thứ hai. Nhưng chính trị không phải là sự phản ánh nguyên si máy móc mà là sự phản ánh có tính khái quát, phản ánh bản chất, phản ánh quy luật vận động của nền kinh tế xã hội. Do

đó nó có thể dự đoán được tương lai cho sự vận động thực tiễn của kinh tế. Nó có thể chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho sự ra đời của các yếu tố kinh tế mới, của nền kinh tế mới.

+ Chính trị tuy bị quy định bởi kinh tế nhưng nó cũng có tính độc lập tương đối, vì thế nó có thể tác động trở lại kinh tế theo 2 xu hướng sau:

(1) Nếu chính trị tác động cùng chiều quy luật thì sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển.

(2) Nếu chính trị tác động ngược chiều quy luật thì sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế.

(3) Một số cùng chiều, một số tác động ngược chiều, do đó hoặc thúc đẩy hoặc kìm hãm.

### **Câu 31: Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội cho sự ra đời của triết học Mác?**

Triết học Mác ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX. Nó ra đời do những đòi hỏi của thực tiễn chính trị- xã hội và là quá trình phát triển hợp quy luật của triết học và của nhận thức khoa học. Nó được chuẩn bị bởi những tiền đề cụ thể sau:

- *Tiền đề về kinh tế - chính trị - xã hội:* Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã khẳng định vị trí kinh tế của mình. Kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển thì giai cấp vô sản ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ngày càng gay gắt và chuyển từ tự phát lên tự giác, từ đấu tranh kinh tế lên đấu tranh chính trị. Điều này đòi hỏi phải có một lý luận cách mạng khoa học để hướng dẫn phong trào, tập hợp, giáo dục, thuyết phục, động viên công nhân tìm con đường, biện pháp đấu tranh đúng đắn.

- *Tiền đề về khoa học tự nhiên:* Bước sang thế kỷ XIX, khoa học tự nhiên có bước phát triển vượt bậc về chất, chuyển từ trình độ kinh nghiệm lên trình độ lý luận. Nhiều phát minh khoa học mang tính vạch thời đại ra đời. Chẳng hạn, định luật bảo toàn vật chất và vận động; định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; thuyết tiến hóa; học thuyết tế bào... Những phát minh khoa học này đã cung cấp cơ sở khoa học cho thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng duy vật.

- *Tiền đề về lý luận:* Triết học Mác kế thừa tất cả những tinh hoa trong lịch sử tư tưởng của nhân loại từ thời cổ đại đến thời các ông. Nhưng trực tiếp nhất là:

+ Kinh tế chính trị cổ điển Anh;

+ Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp;

+ Triết học cổ điển Đức.

Đối với triết học cổ điển Đức, C.Mác và Ph. Ăng ghen đã kế thừa phép biện chứng của Heghen, khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của nó. Đồng thời hai ông còn cải tạo phép biện

chúng ấy, đặt nó trên nền thế giới quan duy vật. C. Mác và Ph. Ăngghen cũng kế thừa chủ nghĩa duy vật của Phoiobắc, khắc phục tính siêu hình, máy móc, chưa triệt để của nó, làm giàu nó bằng phép biện chứng.

- Nhân tố chủ quan của Mác- Ăngghen:

### **Câu 32: Vì sao triết học Mác ra đời là cuộc cách mạng trong lịch sử triết học?**

Sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng. Thực chất của cuộc cách mạng ấy thể hiện như sau:

- Khắc phục sự tách rời giữa thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng trong lịch sử triết học (*C. Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa phép biện chứng của Hêghen, khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của nó. Đồng thời hai ông còn cải tạo phép biện chứng ấy, đặt nó trên nền thế giới quan duy vật. C. Mác và Ph. Ăngghen cũng kế thừa chủ nghĩa duy vật của Phoiobắc, khắc phục tính siêu hình máy móc, chưa triệt để của nó, làm giàu nó bằng phép biện chứng.*), C. Mác và Ph. Ăngghen đã tạo nên sự thống nhất hữu cơ không thể tách rời giữa chúng là chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử là biểu hiện vĩ đại nhất của cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện.

- Sự ra đời của triết học Mác đã khắc phục sự đối lập giữa triết học và thực tiễn của con người.

- Với sự sáng tạo ra CNDV biện chứng và CNDV lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khắc phục sự đối lập giữa triết học và các khoa học cụ thể.

Ý nghĩa của cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện.

- Cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện đã làm cho chủ nghĩa xã hội không tưởng có cơ sở trở thành khoa học.

- Cuộc cách mạng này đã làm cho triết học thay đổi cả về vai, vị trí, chức năng. Triết học đã trở thành công cụ nhận thức và cải tạo thế giới của nhân loại tiến bộ..

### **Câu 33: Tiền đề kinh tế - xã hội và tiền đề lý luận tạo điều kiện cho sự ra đời của TH Mác**

#### **a. Tiền đề kinh tế - xã hội:**

- Sự phát triển mạnh của CNTB dẫn đến mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất ngày càng sâu sắc.

- Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất được biểu hiện về mặt xã hội chính là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Mâu thuẫn này được đẩy đến mức gay gắt dẫn đến các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân: KN của CN ngành dệt ở Scotlen; KN của CN ngành dệt ở TP Lion, Pháp; phong trào hiến chương nhân dân ở Anh; KN công nhân dệt TP Siledi, Đức.
  - Các cuộc đấu tranh của gia cấp công nhân đều đi đến thất bại nhưng chính nó đã tạo điều kiện và đòi hỏi một lý luận cách mạng, phù hợp.
- ⇒ Sự ra đời của TH Mác đáp ứng nhu cầu của lịch sử.

### **b. Tiền đề lý luận:**

-Mác và Ăngghen đã kế thừa có phê phán, chọn lọc toàn bộ lịch sử tư tưởng của nhân loại để xây dựng lên học thuyết của mình, đặc biệt là TH cổ điển Đức, KTCT TS cổ điển Anh, CNXH không tưởng Anh, Pháp.

+ Mác đã kế thừa có phê phán phương pháp biện chứng của Hêghen, loại bỏ mặt duy tâm; cải tạo phép biện chứng của Hêghen đưa nó vào quan điểm duy vật.

+ Mác kế thừa quan điểm duy vật của Phoiơbác, một mặt loại bỏ yếu tố siêu hình trong TH của Bác.

⇒ Kết hợp giữa hai nhà TH cổ điển Đức, Mác đã xây dựng cho mình phép DVBC.

+ Việc cải tạo có phê phán KTCT cổ điển Anh có vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển TH Mác. Chính nhờ sự kế thừa này mà Mác đã xây dựng CNDV lịch sử, khắc phục hoàn toàn những thiếu sót của CNDV trước đó.

+ Việc nghiên cứu CNXH không tưởng Pháp giúp Mác và Ăngghen phê phán một cách khoa học XHTBCN, trên cơ sở đó dự báo một cách khoa học con đường phát triển của XH trong tương lai: CNCS.

+ Với những tiền đề về KT-XH, KHTN, lý luận cộng với trí tuệ uyên bác, tình yêu thương con người, tinh thần hi sinh không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản Mác đã cho ra đời TH Mác, cơ sở lý luận khoa học và cách mạng

### **Câu 33: Phân tích tiền đề về lý luận và khoa học tự nhiên cho sự ra đời triết học Mác?**

#### **c. Tiền đề kinh tế - xã hội:**

- Sự phát triển mạnh của CNTB dẫn đến mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất ngày càng sâu sắc.

- Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất được biểu hiện về mặt xã hội chính là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Mâu thuẫn này được đẩy đến mức gay gắt dẫn đến các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân: KN của CN ngành dệt ở Scotlen; KN của CN ngành dệt ở TP Lion, Pháp; phong trào hiến chương nhân dân ở Anh; KN công nhân dệt TP Siledi, Đức.
  - Các cuộc đấu tranh của gia cấp công nhân đều đi đến thất bại nhưng chính nó đã tạo điều kiện và đòi hỏi một lý luận cách mạng, phù hợp.
- ⇒ Sự ra đời của TH Mác đáp ứng nhu cầu của lịch sử.

#### **d. Tiền đề lý luận:**

-Mác và Ăngghen đã kế thừa có phê phán, chọn lọc toàn bộ lịch sử tư tưởng của nhân loại để xây dựng lên học thuyết của mình, đặc biệt là TH cổ điển Đức, KTCT TS cổ điển Anh, CNXH không tưởng Anh, Pháp.

+ Mác đã kế thừa có phê phán phương pháp biện chứng của Hêghen, loại bỏ mặt duy tâm; cải tạo phép biện chứng của Hêghen đưa nó vào quan điểm duy vật.

+ Mác kế thừa quan điểm duy vật của Phoiơbắc, một mặt loại bỏ yếu tố siêu hình trong TH của Bắc.

⇒ Kết hợp giữa hai nhà TH cổ điển Đức, Mác đã xây dựng cho mình phép DVBC.

+ Việc cải tạo có phê phán KTCT cổ điển Anh có vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển TH Mác. Chính nhờ sự kế thừa này mà Mác đã xây dựng CNDV lịch sử, khắc phục hoàn toàn những thiếu sót của CNDV trước đó.

+ Việc nghiên cứu CNXH không tưởng Pháp giúp Mác và Ăngghen phê phán một cách khoa học XHTBCN, trên cơ sở đó dự báo một cách khoa học con đường phát triển của XH trong tương lai: CNCS.

+ Với những tiền đề về KT-XH, KHTN, lý luận cộng với trí tuệ uyên bác, tình yêu thương con người, tinh thần hi sinh không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản Mác đã cho ra đời TH Mác, cơ sở lý luận khoa học và cách mạng

#### **Câu 34: Trình bày khái quát triết học Mác – Lênin giai đoạn sau Lênin?**

- Những đóng góp và hạn chế trong nghiên cứu, phát triển triết học Mác – Lênin ở Liên Xô:

Nảy sinh cuộc luận chiến giữa phái Đêbôrin với người theo quan điểm cơ giới như Mitin thuộc giới trẻ của Học viện Tuyên truyền Cộng sản. các cuộc luận chiến này sau đó đều



bị can thiệp bằng biện pháp chính trị - hành chính ở mức độ khác nhau. Do đó không khí dân chủ trong tranh luận học thuật dần dần bị mất đi, tính sáng tạo và phát triển của triết học Mác – Lênin cũng bị hạn chế.

- Những đóng góp và hạn chế trong nghiên cứu, phát triển triết học Mác – Lênin ở phương Tây:

Một nhà triết học Pháp đã đi sâu nghiên cứu về mối quan hệ giữa triết học với khoa học như mối quan hệ giữa triết học với nhận thức luận trong triết học Mác. Một số nhà triết học khác đã đi sâu nghiên cứu những quan điểm trong triết học Mác và có phát triển nhất định những quan điểm trong triết học Mác về phê phán xã hội tư bản chủ nghĩa đương đại; đề cập nhiều tới số phận con người, sự tha hóa trong chủ nghĩa tư bản.

- Sự nghiên cứu, phát triển triết học Mác – Lênin ở Trung Quốc:

Nhà nghiên cứu triết học Trung Quốc kiên trì quan điểm cho rằng, cùng với việc chỉ ra khả năng quá độ hòa bình thì cũng có khả năng quá độ bằng phương pháp không hòa bình. Hiện nay, cùng với sự phát triển của mình, Trung Quốc vẫn đang tiếp tục quá trình Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng nhưng khác với trước đây, những quan điểm giáo điều trước đây đã được khắc phục căn bản, tất nhiên vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề tranh cãi ngay trong nội bộ củ Đảng Cộng sản Trung uốc.

- Sự vận dụng, phát triển triết học Mác – Lênin ở Việt Nam:

Hồ Chí Minh đã phát triển triết học Mác – Lênin bằng luận điểm nổi tiếng: “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh chủ nghĩa xã hội là làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người ai cũng có công ăn, việc làm, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Hồ Chí Minh còn là người phát triển nghệ thuật nhận thức và giải quyết mau thuẫn theo tinh thần triết học Mác – Lênin; tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là biểu hiện sinh động của sự bổ sung, phát triển lý luận về phép biện chứng duy vật.

**Câu 35: Lênin phát triển triết học Mác – hoàn cảnh lịch sử và nội dung cơ bản?**

**Câu 36: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất? Liên hệ với Việt Nam trước đổi mới và thời kỳ đổi mới?**

**\* Lực lượng sản xuất:**

a. Khái niệm: LLSX là toàn bộ những yếu tố vật chất tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.

LLSX biểu hiện mối quan hệ của con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất.

b. Lực lượng sản xuất gồm

- Người lao động: là người nằm trong một độ tuổi nhất định, đây phải là 1 người có sức khỏe nhất định và có 1 kinh nghiệm nhất định.

- Tư liệu sản xuất: là tất cả những gì thuộc về giới tự nhiên và nó tham gia vào sản xuất chia thành 2 loại: Tư liệu lao động, đối tượng lao động:

+ Đối tượng lao động: là những vật nhận sự tác động của công cụ lao động.

+ Tư liệu lao động chia thành 2 loại gồm: Công cụ lao động, phương tiện lao động.

. Công cụ lao động: là những vật đóng vai trò trung gian để truyền tải sức của những người lao động vào những vật khác trong quá trình SX.

. Phương tiện lao động: là những vật hỗ trợ con người trong quá trình sản xuất về mặt chuyên chở, bảo quản. VD: kho tàng, cầu, đường, bến, bãi...

c. Vai trò của người lao động và công cụ lao động:

- Người lao động giữ vai trò quyết định vì đây là chủ thể của các yếu tố còn lại.

Người lao động là chủ thể của quá trình lao động sản xuất, với sức mạnh và kỹ năng lao động của mình, sử dụng tư liệu lao động, trước hết là công cụ lao động, tác động vào đối tượng lao động để sản xuất ra của cải vật chất.

- Công cụ lao động giữ vai trò cực kỳ quan trọng vì nó quyết định năng suất lao động và phản ánh khả năng chế ngự giới tự nhiên của con người.

Công cụ lao động cũng là một yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất, đóng vai trò quyết định trong tư liệu sản xuất. Công cụ lao động do con người sáng tạo ra, là "sức mạnh của tri thức đã được vật thể hóa", nó "nhân" sức mạnh của con người trong quá trình lao động sản xuất. Công cụ lao động là yếu tố động nhất của lực lượng sản xuất.

d. Tính chất của LLSX:

Nhìn chung LLSX là yếu tố động mang tính cách mạng, LLSX là yếu tố thường xuyên biến đổi và sự biến đổi này ngày càng hoàn thiện.

**\* Quan hệ sản xuất:**

a. Khái niệm:

Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.

b. QHSX gồm:

- Quan hệ sở hữu TLSX: là công hữu về TLSX và tư hữu về TLSX.
- Quan hệ quản lý và phân công lao động: ai là người quản lý, ai là quản lý, ai là bị quản lý.
- Quan hệ phân phối sản phẩm: ai là người có quyền chia: nhận cái gì, được nhận bao nhiêu, ở đâu...

Trong 3 quan hệ trên thì quan hệ sở hữu TLSX giữ vai trò quyết định đối với 2 quan hệ còn lại. Người nào có TLSX thì có quyền quản lý, phân công lao động cũng như phân phối sản phẩm. Mất TLSX là mất tất cả.

#### d. Tính chất của QHSX:

Nhìn chung QHSX mang tính tĩnh, bảo thủ, rất ít thay đổi.

#### \* **Mối quan hệ biện chứng giữa LLSX và QHSX**

Mối quan hệ biện chứng giữa LLSX và QHSX thể hiện qua quy luật “QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX”: là cách sở hữu TLSX, quản lý phân công, phân phối sản phẩm phải phù hợp trình độ người lao động, trình độ công cụ lao động.

Nội dung của quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX thể hiện:

#### a. Trình độ của LLSX quyết định QHSX

- Trình độ của LLSX như thế nào thì QHSX phải tương ứng như vậy.
- Trình độ của LLSX thường xuyên biến đổi nhưng khi trình độ của LLSX biến đổi đến một mức độ nhất định thì QHSX cũng phải biến đổi theo cho phù hợp với trình độ của LLSX mới.

#### b. QHSX tác động trở lại LLSX

- Nếu QHSX phù hợp với trình độ của LLSX thì nó sẽ thúc đẩy LLSX phát triển, thúc đẩy sản xuất phát triển, thúc đẩy xã hội phát triển.
- Nếu QHSX không phù hợp với trình độ của LLSX thì nó sẽ kìm hãm sự phát triển của LLSX, kìm hãm sự phát triển của sản xuất, kìm hãm sự phát triển của xã hội.

#### \* **ý nghĩa phương pháp luận:**

Quy luật về sự phù hợp của QHSX với tính chất và trình độ của LLSX biểu hiện sự vận động nội tại của phương thức sản xuất, biểu hiện tính tất yếu của sự thay thế phương thức SX này bằng phương thức SX khác cao hơn. Quy luật này là quy luật phổ biến tác động trong mọi XH, là cho XH loài người phát triển từ thấp đến cao.

- Muốn sản xuất phát triển phải đầu tư vào sự phát triển của LLSX mà trước hết là người lao động, trong đó phải cải tiến công cụ lao động. Sự nghiệp CNH – HĐH là việc đầu tư vào LLSX. Ở VN ta sự nghiệp CNH thực chất là cuộc CM về LLSX phát huy vai trò nhân tố con người đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Đó là lí do mà ta khẳng định sự thành công của CNXH là liên quan đến sự phát triển thành công hay không của CNH. - Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất để tác động đến lực lượng sản xuất 1 cách tích cực. Hoàn thiện phân phối sản phẩm qua cải tiến chính sách lương, hoàn thiện sở hữu TLSX là thực hiện nền KT nhiều thành phần cho phù hợp với nước ta. Quản lí phân công như công tác phân phối cán bộ.

**Câu 37: Hình thái kinh tế - xã hội là gì? Kết cấu của hình thái kinh tế - xã hội? Vì sao dự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên? Liên hệ với quá trình phát triển theo định hướng XHCN ở nước ta?**

### **1. Hình thái kinh tế - xã hội là gì:**

Hình thái kinh tế - xã hội là khái niệm dùng để chỉ xã hội ở một giai đoạn lịch sử cụ thể với một kiểu QHSX đặc trưng (phù hợp) với một trình độ nhất định của LLSX và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những QHSX đó.

### **2. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên:**

Lịch sử phát triển của xã hội loài người trải qua nhiều giai đoạn từ thấp đến cao. Sự vận động phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội tuân theo những quy luật khách quan vốn có của nó. Từ việc phát hiện ra các quy luật vận động khách quan của xã hội, Các Mác đã đi đến kết luận: “Tôi coi sự phát triển của các hình thái xã hội là một quá trình lịch sử, tự nhiên”.

Tính chất lịch sử - tự nhiên của quá trình phát triển các hình thái kinh tế- xã hội được thể hiện ở các nội dung sau:

Một là, sự vận động và phát triển của xã hội tuân theo các quy luật khách quan, đó là các quy luật của chính bản thân cấu trúc hình thái kinh tế xã hội mà trước hết là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng.

Hai là, nguồn gốc của mọi sự vận động, phát triển của xã hội đều có nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp từ sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội.

Ba là, quá trình phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, tức là quá trình thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội là do sự tác động của các quy luật khách quan làm cho

các hình thái kinh tế - xã hội không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ tồn tại trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

Tuy nhiên tiến trình lịch sử của các hình thái kinh tế - xã hội có vai trò của nhân tố chủ quan:

Sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử trước hết do tác động của các quy luật khách quan nhưng đồng thời còn chịu tác động của các nhân tố chủ quan như điều kiện địa lý, tương quan lực lượng giai cấp, tầng lớp xã hội, truyền thống văn hóa, điều kiện quốc tế... Chính vì vậy, tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người có thể diễn ra với những con đường, hình thức phức tạp, đa dạng phong phú... Tính chất phong phú đa dạng của tiến trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội có thể bao hàm những bước phát triển “bỏ qua” một hay một vài hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Tuy nhiên sự “bỏ qua” đó phải gắn với những điều kiện khách quan và chủ quan nhất định

**Câu 38: Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng? Ý nghĩa phương pháp luận?**

**\* Khái niệm**

- Cơ sở hạ tầng là tổng hợp các quan hệ sản xuất hợp thành kết cấu kinh tế của một xã hội nhất định. Cơ sở hạ tầng bao gồm quan hệ sản xuất thống trị; quan hệ sản xuất tàn dư, quan hệ sản xuất mầm mống tồn tại thực trong một kết cấu kinh tế của một xã hội cụ thể. Đặc trưng cho tính chất của một cơ sở hạ tầng do quan hệ sản xuất thống trị quy định. Tức là, cái giữ địa vị chi phối, có vai trò chủ đạo và tác dụng quyết định đối với toàn bộ cơ sở hạ tầng là quan hệ sản xuất thống trị. Tuy nhiên, quan hệ sản xuất tàn dư và mầm mống cũng có vai trò quan trọng.

- Kiến trúc thượng tầng: Là toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp luật, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... với những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể, hiệp hội được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

+ Mỗi yếu tố của kiến trúc thượng tầng có những đặc điểm riêng; quy luật phát triển riêng, nhưng liên hệ, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau và cùng nảy sinh trên một cơ sở hạ tầng nhất định, phản ánh cơ sở hạ tầng đó. Trong đó, nhà nước là một thiết chế có vai trò đặc biệt quan trọng. Chính nhờ nhà nước mà tư tưởng của giai cấp thống trị mới thống trị được toàn bộ đời sống xã hội.

+ Kiến trúc thượng tầng của xã hội có các giai cấp đối kháng bao gồm tư tưởng và thiết chế của giai cấp thống trị; tàn dư của các quan điểm chính trị - xã hội của giai cấp trong xã hội cũ; các quan điểm và thiết chế của các giai cấp mới ra đời. Tất nhiên, hệ tư tưởng của giai cấp thống trị giữ vai trò quy định tính chất của kiến trúc thượng tầng. Tính giai cấp của kiến trúc thượng tầng thể hiện rõ ở sự đối lập về quan điểm, tư tưởng và cuộc đấu tranh về chính trị - tư tưởng của các giai cấp đối kháng. Mâu thuẫn trong kiến trúc thượng tầng cũng bắt nguồn từ mâu thuẫn trong cơ sở hạ tầng.

***\* Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng***

- Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

+ Cơ sở hạ tầng nào thì sẽ “sinh” ra kiến trúc thượng tầng như thế ấy. Bởi lẽ, quan hệ sản xuất quyết định các quan hệ xã hội khác. Mâu thuẫn trong đời sống kinh tế, xét đến cùng, quyết định mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị - tư tưởng. Cuộc đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực tư tưởng là biểu hiện của những đối kháng trong đời sống kinh tế.

+ Cơ sở hạ tầng quyết định sự hình thành, tính chất của kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng biến đổi, sớm hay muộn cũng dẫn đến những biến đổi của kiến trúc thượng tầng. Sự quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng diễn ra phức tạp trong quá trình chuyển từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác.

- Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

+ Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng thể hiện ở chức năng xã hội của nó. Nghĩa là, kiến trúc thượng tầng thực hiện sự bảo vệ, duy trì, củng cố, phát triển cơ sở hạ tầng đã “sinh” ra nó; hoặc đấu tranh xóa bỏ cơ sở hạ tầng cũng như kiến trúc thượng tầng cũ.

+ Các bộ phận khác nhau của kiến trúc thượng tầng đều tác động đến cơ sở hạ tầng dưới nhiều hình thức khác nhau. Bản thân các yếu tố, các bộ phận của kiến trúc thượng tầng cũng tác động qua lại lẫn nhau. Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng theo hai hướng, hoặc là kìm hãm, hoặc là thúc đẩy sự phát triển của cơ sở hạ tầng. Khi kiến trúc thượng tầng tác động cùng chiều với các quy luật kinh tế khách quan, nó sẽ thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển. Ngược lại, sẽ kìm hãm sự phát triển của cơ sở hạ tầng.

***\* Ý nghĩa, thực tiễn VN***

- Nước ta đang phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghĩa là cơ sở hạ tầng của nước ta hiện nay là kết cấu kinh tế nhiều thành phần. Trong đó kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã đóng vai trò chủ đạo. Với một cơ sở hạ tầng mang tính chất quá độ và một kết cấu kinh tế đan xen nhiều thành phần thì kiến trúc thượng tầng cũng phải xây dựng, củng cố, đổi mới cho phù hợp với cơ sở hạ tầng.

- Cần lưu ý rằng, phát triển kinh tế nhiều thành phần không có nghĩa là nhất thiết phải đa nguyên chính trị. Bởi lẽ, trong kết cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta thì kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể đóng vai trò chủ đạo. Các thành phần kinh tế khác đều hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Tuy nhiên, nhu cầu khách quan đặt ra là kiến trúc thượng tầng của nước ta phải được đổi mới, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng hoàn thành chức năng xã hội của mình bảo vệ, duy trì, phát triển cơ sở hạ tầng đã “sinh” ra nó.